

Số: 2583/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt, bãi bỏ các quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục TTHC mới ban hành; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội/UBND cấp huyện/UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thực hiện một số nội dung liên quan đến các TTHC trong lĩnh vực môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 3273/TTr-STNMT-CCBVMT ngày 31/5/2022 và Tờ trình số 4742/TTr-STNMT-CCBVMT ngày 01/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 11 quy trình nội bộ mới, 02 quy trình thay thế trong giải quyết TTHC trong lĩnh vực môi trường, cụ thể: 08 quy trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 04

quy trình thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, 01 quy trình thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã; bãi bỏ 11 quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC trong lĩnh vực môi trường, cụ thể: 08 quy trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 02 quy trình thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, 01 quy trình thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng, phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại phần mềm của Hệ thống thông tin một cửa điện tử Thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Các quy trình nội bộ ký hiệu: QT-01, QT-06 mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 6136/QĐ-UBND ngày 01/11/2019; QT-43, QT-44, QT-45, QT-46, QT-47, QT-48, QT-49, QT-50 phần A, QT-H-02, QT-H-03 phần B, QT-X-01 phần C Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định 1368/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội hết hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *AK*

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành thuộc Thành phố;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- VP UBTP: CVP, các PCVP,
- các phòng: KSTTHC, TNMT, THCB, ĐT;
- Công giao tiếp Điện tử Hà Nội;
- Trung tâm Tin học-Công báo TP;
- Lưu: VT, KSTTHC.

35058 - 3

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Le Hồng Sơn

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG
BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI/UBND CẤP HUYỆN/UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA
BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2583/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của Chủ tịch
UBND thành phố Hà Nội)

A. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP TỈNH

STT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
1	Cấp giấy phép môi trường	QT-01
2	Cấp đổi giấy phép môi trường	QT-02
3	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	QT-03
4	Cấp lại giấy phép môi trường	QT-04
5	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	QT-05
6	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	QT-06
7	Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	QT-07
8	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	QT-08

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP HUYỆN

STT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
1	Cấp giấy phép môi trường	QT-H-02
2	Cấp đổi giấy phép môi trường	QT-H-03
3	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	QT-H-05
4	Cấp lại giấy phép môi trường	QT-H-06

C. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP XÃ

STT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
1	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	QT-X-01

uk

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG
BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI/UBND CẤP HUYỆN/UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~253~~33/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của Chủ tịch
 UBND thành phố Hà Nội)

A. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP TỈNH

STT	Tên quy trình nội bộ	Ghi chú	Ký hiệu
1	Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược	Bị bãi bỏ tại Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	QT-01
2	Cấp, cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Bị bãi bỏ tại Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	QT-02
3	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.	Bị bãi bỏ tại Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	QT-43
4	Chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.	Bị bãi bỏ tại Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	QT-45
5	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.	Bị bãi bỏ tại Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	QT-48
6	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.	Bị bãi bỏ tại Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	QT-49
7	Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường.	Bị bãi bỏ tại Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	QT-50
8	Tham vấn ý kiến trong quá trình đánh giá tác động môi trường	Bị bãi bỏ tại Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	QT-44

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP HUYỆN

STT	Tên quy trình nội bộ	Ghi chú	Ký hiệu
1	Tham vấn ý kiến trong quá trình đánh giá tác động môi trường	Bị bãi bỏ tại Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	QT-H-02
2	Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường.	Bị bãi bỏ tại Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	QT-H-03

C. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP XÃ

STT	Tên quy trình nội bộ	Ghi chú	Ký hiệu
1	Tham vấn ý kiến trong quá trình đánh giá tác động môi trường	Bị bãi bỏ tại Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	QT-X-01

UK

Phụ lục III
NỘI DUNG CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG HÀ NỘI/UBND CẤP HUYỆN/UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2583/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP TỈNH

1. Quy trình: Cấp giấy phép môi trường (QT-01)

1	<p>Mục đích:</p> <p>Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.</p>
2	<p>Phạm vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư nhóm II quy định tại Điều 39 của Luật BVMT năm 2020 và Dự án đầu tư nhóm III quy định tại Điều 39 của Luật BVMT năm 2020 nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên; có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức; - Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng nêu trên. - Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật BVMT năm 2020 đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ, cơ quan ngang Bộ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.
3	<p>Nội dung quy trình</p>
3.1	<p>Cơ sở pháp lý</p>
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; 2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

	<p>trường;</p> <p>5. Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thay thế; bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;</p> <p>6. Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thực hiện một số nội dung liên quan đến các TTHC trong lĩnh vực môi trường;</p> <p>7. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>);	x	
	<p>2. Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm: <i>mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>; + Trường hợp dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: <i>mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>; + Trường hợp cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm II: <i>mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>; + Trường hợp dự án đầu tư nhóm III: <i>mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>; + Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III: <i>mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-</i> 	x	

	<i>CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;</i>		
	3. Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường).		X
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý:		
	<p>Trường hợp 1. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p> <p>Trường hợp 2. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối với các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; • Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. <p><i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i></p>		
3.5	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội</p> <p><i>Lưu ý: Đối với Trường hợp 2: Khi thành phố chưa triển khai áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức 4 thì nhận nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</i></p>		
3.6	Phí, Lệ phí:		

<p>Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư, cơ sở đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 7.950.000 đồng. - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: 13.400.000 đồng. - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 4.200.000 đồng. 				
3.7 Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
3.7.1. Trường hợp 1: 30 ngày làm việc				
B1	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận 1 cửa Sở tiếp nhận hồ sơ, trình lãnh đạo Sở giao việc cho các phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở xử lý. - Bộ phận 1 cửa bàn giao hồ sơ cho các phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở xử lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Một cửa Sở - Lãnh đạo Sở ký - Văn thư các phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở 	- 1 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B2	Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn giao việc cho cán bộ thụ lý	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn; - Cán bộ thụ lý 	- 1 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ
B3	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>* Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nộp phí thẩm 	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn 	- 3 ngày	

<p>định;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan; - Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp phép môi trường lên Công thông tin điện tử của Sở; - Thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra <p>+ Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, không có nội dung sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất hoặc thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, đồng thời thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, thành lập hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế;</p> <p>+ Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, thành lập tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế;</p> <p>+ Đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, thành lập hội đồng thẩm định, hội đồng thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư;</p> <p>+ Đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung,</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Sở - Trung tâm CNTTNTM 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan - Báo cáo đề xuất nội dung cấp phép môi trường được đăng tải trên Công thông tin điện tử Sở - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra
--	--	---

	<p><i>cum công nghiệp đang hoạt động, thành lập đoàn kiểm tra và tổ chức kiểm tra thực tế.</i></p> <p>* Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn phê duyệt.</p> <p>- Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư.</p> <p>- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ.</p> <p>- Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung:</p> <p>+ Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở</p> <p>+ Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1</p>			<p>- Thông báo bổ sung hồ sơ</p> <p>- Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở</p> <p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết</p>
B4	<p>- Gửi báo cáo cho các thành viên Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; Giấy mời khảo sát/kiểm tra thực tế.</p> <p>- Hội đồng thẩm định/ tổ thẩm định thẩm định hồ sơ, đoàn kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và khảo sát hoặc kiểm tra thực tế (nếu có) đối với dự án đầu tư, cơ sở.</p> <p>- Tiếp nhận Bản nhận xét, phiếu thẩm định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra.</p> <p>- Tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định. Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, có văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Hội</p>	<p>- Cán bộ thụ lý</p> <p>- Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn</p> <p>- Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra</p>	<p>- 2 ngày</p> <p>- 3 ngày</p> <p>- 1 ngày</p> <p>- 4 ngày</p>	<p>- Giấy mời họp/kiểm tra</p> <p>- Bản nhận xét, Phiếu thẩm định, biên bản kiểm tra, khảo sát theo quy định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra</p> <p>- Thông báo kết quả thẩm định theo mẫu quy định.</p>

	<p>đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra.</p> <p><i>(Lưu ý: Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này).</i></p>			
B5	- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ	Một cửa Sở/Cán bộ thụ lý	- 0,5 ngày	Đủ số lượng hồ sơ theo quy định
B6	- Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu, lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn	- 2,5 ngày	Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B7	- Chuyển Một cửa Sở trình → Lãnh đạo Sở ký Tờ trình, ký nháy Dự thảo Quyết định và chuyển hồ sơ trình một cửa UBND thành phố để phê duyệt hoặc trả hồ sơ.	- Cán bộ thụ lý - Một cửa Sở - Lãnh đạo Sở ký	- 1 ngày	Tờ trình + Dự thảo Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B8	- UBND TP Hà Nội phê duyệt và cấp giấy phép môi trường	- UBND TP Hà Nội	- 10 ngày	- Giấy phép môi trường (mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT);
B9	- Nhận kết quả từ UBND thành phố và trả kết quả - Đăng tải nội dung Giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử của Sở	- Cán bộ Một cửa - Trung tâm CNTTNTMT	- 1 ngày	- Sở theo dõi kết quả xử lý công việc - GPMT được đăng tải trên Cổng thông tin

				diện tử của Sở
3.7.2. Trường hợp 2: 15 ngày giải quyết				
B1	- Bộ phận 1 của Sở kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ (nộp qua DVC mức 4) → trình Lãnh đạo Sở giao việc phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở	- Cán bộ Một cửa - Lãnh đạo Sở - Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở	- 1 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B2	- Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở phân công thụ lý hồ sơ.	- Trưởng phòng, đơn vị chuyên môn - Cán bộ thụ lý	- 1 ngày	
B3	Kiểm tra hồ sơ: * Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau: - Thông báo nộp phí thẩm định - Thành lập Tổ thẩm định - Gửi Báo cáo cấp phép môi trường đến các thành viên Tổ thẩm định - Tiếp nhận Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định - Tổng hợp, thông báo bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu của Tổ thẩm định. * Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn phê duyệt. - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư.	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn - Lãnh đạo Sở - Trung tâm CNTTNTM	- 5 ngày	- Thông báo nộp phí thẩm định - Quyết định thành lập Tổ thẩm định - Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định - Văn bản thông báo kết quả thẩm định hồ sơ của Tổ thẩm định - Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh

	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1 			<p>sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
B4	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án, cơ sở và chuyển về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ 	<ul style="list-style-type: none"> - Một cửa Sở - Chủ dự án, cơ sở 	- 0,5 ngày	Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình nội dung bổ sung, chỉnh sửa của Chủ dự án, cơ sở
B5	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu, lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn 	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn 	- 2,5 ngày	Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B6	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển Một cửa Sở trình → Lãnh đạo Sở ký Tờ trình, ký nháy Dự thảo Quyết định và chuyển hồ sơ trình một cửa UBND thành phố để phê duyệt hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ 	<ul style="list-style-type: none"> - Một cửa Sở - Lãnh đạo Sở ký 	- 1 ngày	Tờ trình + Dự thảo Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B7	<ul style="list-style-type: none"> - UBND TP Hà Nội phê duyệt và cấp giấy phép môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND TP Hà Nội 	- 3 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép môi trường (<i>mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>);
B8	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận kết quả từ UBND TP và trả kết quả - Đăng tải nội dung Giấy phép 	<ul style="list-style-type: none"> - Một cửa Sở 	- 1 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Số theo dõi kết quả xử lý công việc

	môi trường lên Cổng thông tin điện tử của Sở	- Trung tâm CNTT/NMT		- GPMT được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở
4	Biểu mẫu			
	<p>1. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm(mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);</p> <p>2. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);</p> <p>3. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II (mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);</p> <p>4. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);</p> <p>5. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);</p> <p>6. Mẫu Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p>			

2. Quy trình: Cấp đổi giấy phép môi trường (QT-02)

1	<p>Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.</p>
2	<p>Phạm vi: Chủ dự án đầu tư, cơ sở đã được UBND thành phố cấp Giấy phép môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường khi thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở khác với giấy phép môi trường đã được cấp.</p>
3	<p>Nội dung quy trình</p>
3.1	<p>Cơ sở pháp lý</p> <p>1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; 2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p>

	<p>3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>5. Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thay thế; bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;</p> <p>6. Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thực hiện một số nội dung liên quan đến các TTHC trong lĩnh vực môi trường.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu văn bản quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>).	x	
	2. Hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi trong trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở.		x
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý:		
	<p>Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p><i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i></p>		
3.5	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp và trả kết quả qua Dịch vụ công trực tuyến mức 4</p> <p><i>Lưu ý: Khi thành phố chưa triển khai áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức 4 thì nhận nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</i></p>		
3.6	Phí, Lệ phí:		

	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	- Bộ phận 1 cửa Sở tiếp nhận hồ sơ (nộp qua DVC mức 4) → trình Lãnh đạo Sở giao việc phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở	- 1 cửa Sở - Lãnh đạo Sở - Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở	- 1 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B2	- Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở phân công thụ lý hồ sơ.	- Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn - Cán bộ thụ lý	- 1 ngày	Sổ theo dõi
B3	Kiểm tra hồ sơ: * Trường hợp 1: Hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ: Lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường trình Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn xem xét * Trường hợp 2: Hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn phê duyệt. + Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. + Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Thực hiện các bước tại trường hợp 1	- Cán bộ thụ lý -Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn	- 4 ngày	- Dự thảo Tờ trình + Dự thảo Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ - Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết

B4	- Chuyển Một cửa Sở trình → Lãnh đạo Sở ký Tờ trình, ký nháy Dự thảo Quyết định và chuyển hồ sơ trình một cửa UBND thành phố để phê duyệt hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ	- Một cửa Sở - Lãnh đạo Sở ký	- 1 ngày	Tờ trình + Dự thảo Giấy phép môi trường hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ
B5	- UBND TP Hà Nội phê duyệt và cấp đổi giấy phép môi trường.	- UBND TP Hà Nội	- 2 ngày	- Giấy phép môi trường (mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT);
B6	- Nhận kết quả từ UBND TP và trả kết quả. - Đăng tải nội dung Giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử của Sở	- Một cửa Sở - Trung tâm CNTTNTMT.	- 1 ngày	- Sở theo dõi kết quả xử lý công việc - GPMT được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở
4	Biểu mẫu			
	1. Mẫu Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).			

3. Quy trình: Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (QT-03)

1	Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.
2	Phạm vi: Chủ dự án đầu tư, cơ sở đã được UBND thành phố cấp Giấy phép môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường khi có thay đổi một trong các nội dung cấp phép không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (trừ trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường hoặc thay đổi khối lượng, loại chất thải nguy hại phát sinh; trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường, việc thay đổi giấy phép môi trường được thực hiện khi có đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở) như sau: - Nguồn phát sinh nước thải; lưu lượng xả nước thải tối đa; dòng nước thải; các

	<p>chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải; vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn phát sinh khí thải; lưu lượng xả khí thải tối đa; dòng khí thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải; vị trí, phương thức xả khí thải; - Nguồn phát sinh và giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung; - Các thay đổi khác.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; 2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 5. Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thay thế; bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội; 6. Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thực hiện một số nội dung liên quan đến các TTHC trong lĩnh vực môi trường. 7. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>);	x	
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý: Thời hạn kiểm tra, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. <i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i>		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp và trả kết quả qua Dịch vụ công trực tuyến mức 4 <i>Lưu ý: Khi thành phố chưa triển khai áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức 4 thì nhận nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</i>		
3.6	Phí, Lệ phí: Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội. Cụ thể: - Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: 6.850.000 đồng. - Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường đối với Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của		

	Chính phủ: 4.200.000 đồng.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	- Bộ phận 1 cửa Sở tiếp nhận hồ sơ (nộp qua DVC mức 4) → trình Lãnh đạo Sở giao việc phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở	- 1 cửa Sở - Lãnh đạo Sở - Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở	- 1 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B2	- Bộ phận 1 cửa Sở chuyển phòng, đơn vị chuyên môn; - Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở phân công thụ lý hồ sơ.	- Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn - Cán bộ thụ lý	- 1 ngày	Sổ theo dõi hồ sơ; Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ
B3	Kiểm tra hồ sơ: * Trường hợp 1: Hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ: - Thông báo nộp phí thẩm định - Lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường trình Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn xem xét * Trường hợp 2: Hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn phê duyệt. + Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng chuyên môn, đơn vị - Lãnh đạo Sở - Chủ dự án, cơ sở	- 8 ngày	- Thông báo nộp phí thẩm định - Dự thảo Tờ trình + Dự thảo Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ - Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung kèm văn bản giải trình

	<p>cho chủ đầu tư.</p> <p>+ Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ</p> <p>Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung:</p> <p>+ Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở</p> <p>+ Hồ sơ đạt yêu cầu: Thực hiện các bước tại trường hợp 1</p>			<p>của Chủ dự án, cơ sở</p> <p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết</p>
B4	<p>- Chuyển Một cửa Sở trình → Lãnh đạo Sở ký Tờ trình, ký nháy Dự thảo Quyết định và chuyển hồ sơ trình một cửa UBND thành phố để phê duyệt hoặc trả hồ sơ</p>	<p>- Một cửa Sở</p> <p>- Lãnh đạo Sở ký</p>	- 1 ngày	<p>Tờ trình + Dự thảo Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ</p>
B5	<p>- UBND TP Hà Nội phê duyệt và cấp điều chỉnh giấy phép môi trường.</p>	- UBND TP Hà Nội	- 3 ngày	<p>- Giấy phép môi trường (mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT);</p>
B6	<p>- Nhận kết quả từ UBND TP và trả kết quả</p> <p>- Đăng tải nội dung Giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử của Sở</p>	<p>- Một cửa Sở</p> <p>- Trung tâm CNTTNTMT.</p>	- 1 ngày	<p>- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc</p> <p>- GPMT được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở</p>
4	Biểu mẫu			
	<p>1. Mẫu Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở được quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-</p>			

	CP. 2. Mẫu Giấy phép môi trường điều chỉnh theo mẫu số 41 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
--	--

4. Quy trình: Cấp lại giấy phép môi trường (QT-04)

1	<p>Mục đích:</p> <p>Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp lại giấy phép môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.</p>
2	<p>Phạm vi: Chủ dự án đầu tư, cơ sở đã được UBND thành phố cấp Giấy phép môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường khi thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a - Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng;</p> <p>b - Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường;</p> <p>c - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung);</p> <p>d - Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường.</p>
3	Nội dung quy trình

3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;</p> <p>2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>5. Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thay thế; bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;</p> <p>6. Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 22/5/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thực hiện một số nội dung liên quan đến các TTHC trong lĩnh vực môi trường.</p> <p>7. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);	x	
	2. Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở.	x	
	3. Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi		x

	trường).		
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý:		
	<p>+ Đối với các trường hợp tại điểm a và c theo mục 2: Tối đa 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>+ Đối với các trường hợp tại điểm b và d theo mục 2: Tối đa 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trong đó, tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; • Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). <p><i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i></p>		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội		
	<i>Lưu ý: Đối với Trường hợp 3: Khi thành phố chưa triển khai áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức 4 thì nhận nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</i>		
3.6	Phí, Lệ phí:		
	<p>Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư, cơ sở đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 7.950.000 đồng. - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: 13.400.000 đồng. - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh 		

	doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 4.200.000 đồng.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
3.7.1. Trường hợp 1: 30 ngày làm việc				
B1	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận 1 cửa Sở tiếp nhận hồ sơ, trình lãnh đạo Sở giao việc cho các phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở xử lý. - Bộ phận 1 cửa bàn giao hồ sơ cho các phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở xử lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 cửa Sở - Lãnh đạo Sở ký - Văn thư các phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở 	- 1 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B2	Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn giao việc cho cán bộ thụ lý	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn, cán bộ thụ lý 	- 1 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ
B3	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>* Trường hợp 1: Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nộp phí thẩm định; - Gửi Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan; - Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử của Sở; - Thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn - Lãnh đạo Sở - Trung tâm CNTTNTMT 	- 3 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan - Báo cáo đề xuất nội dung cấp phép môi trường được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Sở

<p>tra</p> <p>+ Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, không có nội dung sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất hoặc thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, đồng thời thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, thành lập hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế;</p> <p>+ Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, thành lập tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế;</p> <p>+ Đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, thành lập hội đồng thẩm định, hội đồng thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư;</p> <p>+ Đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động, thành lập đoàn kiểm tra và tổ chức kiểm tra thực tế.</p> <p>* Trường hợp 2: Hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</p> <p>Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ</p>			<p>- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra</p>
---	--	--	---

	<p>chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn phê duyệt.</p> <p>+ Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư.</p> <p>+ Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ</p> <p>Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung:</p> <p>+ Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở</p> <p>+ Hồ sơ đạt yêu cầu: Thực hiện các bước tại trường hợp 1</p>			<p>- Thông báo bổ sung hồ sơ</p> <p>- Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở</p> <p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết</p>
B4	<p>- Gửi báo cáo cho các thành viên Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; Giấy mời khảo sát/kiểm tra thực tế.</p> <p>- Hội đồng thẩm định/ tổ thẩm định thẩm định hồ sơ, đoàn kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và khảo sát hoặc kiểm tra thực tế (nếu có) đối với dự án đầu tư, cơ sở.</p> <p>- Tiếp nhận Bản nhận xét, phiếu thẩm định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra.</p> <p>- Tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định. Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, có văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định/Tổ</p>	<p>- Cán bộ thụ lý</p> <p>- Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn</p> <p>- Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra</p>	<p>- 2 ngày</p> <p>- 3 ngày</p> <p>- 1 ngày</p> <p>- 4 ngày</p>	<p>- Giấy mời họp/kiểm tra</p> <p>- Bản nhận xét, Phiếu thẩm định, biên bản kiểm tra, khảo sát theo quy định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra</p> <p>- Thông báo kết quả thẩm định theo mẫu quy định.</p>

	<p>thẩm định/Đoàn kiểm tra.</p> <p><i>(Lưu ý: Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này).</i></p>			
B5	- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ	Một cửa Sở/Cán bộ thụ lý	- 0,5 ngày	Đủ số lượng hồ sơ theo quy định
B6	- Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu, lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn	- 2,5 ngày	Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B7	- Chuyển Một cửa Sở trình → Lãnh đạo Sở ký Tờ trình, ký nháy Dự thảo Quyết định và chuyển hồ sơ trình một cửa UBND thành phố để phê duyệt hoặc trả hồ sơ.	- Cán bộ thụ lý - Một cửa Sở - Lãnh đạo Sở ký	- 1 ngày	Tờ trình + Dự thảo Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B8	- UBND TP Hà Nội phê duyệt và cấp lại giấy phép môi trường	- UBND TP Hà Nội	- 10 ngày	- Giấy phép môi trường (mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT);

B9	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận kết quả từ UBND thành phố và trả kết quả - Đăng tải nội dung Giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử của Sở 	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Một cửa - Trung tâm CNTTNTMT 	- 1 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - GPMT được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở
3.7.2. Trường hợp 2: 20 ngày giải quyết				
B1	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận 1 cửa Sở tiếp nhận hồ sơ, trình lãnh đạo Sở giao việc cho các phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở xử lý. - Bộ phận 1 cửa bàn giao hồ sơ cho các phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở xử lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 cửa Sở - Lãnh đạo Sở ký - Văn thư các phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở 	- 1 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B2	Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn giao việc cho cán bộ thụ lý	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn, cán bộ thụ lý 	- 1 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ
B3	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>* Trường hợp 1: Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nộp phí thẩm định; - Gửi Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan; - Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử của Sở; - Thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra <p>+ Đối với dự án đầu tư đã có</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn - Lãnh đạo Sở - Trung tâm CNTTNTMT 	- 2 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nộp phí thẩm định - Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan - Báo cáo đề xuất nội dung cấp phép môi trường được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Sở - Quyết định thành lập Hội

<p>quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, không có nội dung sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất hoặc thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, đồng thời thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, thành lập hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế;</p> <p>+ Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, thành lập tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường, không tổ chức kiểm tra thực tế;</p> <p>+ Đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, thành lập hội đồng thẩm định, hội đồng thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư;</p> <p>+ Đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động, thành lập đoàn kiểm tra và tổ chức kiểm tra thực tế.</p> <p>* Trường hợp 2: Hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</p> <p>Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng,</p>			<p>đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra tra</p> <p>- Thông báo bổ</p>
--	--	--	--

	<p>đơn vị chuyên môn phê duyệt.</p> <p>+ Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư.</p> <p>+ Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ</p> <p>Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung:</p> <p>+ Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở</p> <p>+ Hồ sơ đạt yêu cầu: Thực hiện các bước tại trường hợp 1</p>			<p>sung hồ sơ</p> <p>- Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở</p> <p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết</p>
B4	<p>- Gửi báo cáo cho các thành viên Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; Giấy mời khảo sát/kiểm tra thực tế.</p> <p>- Hội đồng thẩm định/ tổ thẩm định thẩm định hồ sơ, đoàn kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và khảo sát hoặc kiểm tra thực tế (nếu có) đối với dự án đầu tư, cơ sở.</p> <p>- Tiếp nhận Bản nhận xét, phiếu thẩm định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra.</p> <p>- Tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định. Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, có văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra.</p>	<p>- Cán bộ thụ lý</p> <p>- Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn</p> <p>- Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra</p>	<p>- 1 ngày</p> <p>- 2 ngày</p> <p>- 1 ngày</p> <p>- 2 ngày</p>	<p>- Giấy mời họp/kiểm tra</p> <p>- Bản nhận xét, Phiếu thẩm định, biên bản kiểm tra, khảo sát theo quy định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra</p> <p>- Thông báo kết quả thẩm định theo mẫu quy định.</p>

	<i>(Lưu ý: Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này).</i>			
B5	- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ	Một cửa Sở/Cán bộ thụ lý	- 0,5 ngày	Đủ số lượng hồ sơ theo quy định
B6	- Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu, lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn	- 2,5 ngày	Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B7	- Chuyển Một cửa Sở trình → Lãnh đạo Sở ký Tờ trình, ký nháy Dự thảo Quyết định và chuyển hồ sơ trình một cửa UBND thành phố để phê duyệt hoặc trả hồ sơ.	- Cán bộ thụ lý - Một cửa Sở - Lãnh đạo Sở ký	- 1 ngày	Tờ trình + Dự thảo Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B8	- UBND TP Hà Nội phê duyệt và cấp lại giấy phép môi trường	- UBND TP Hà Nội	- 5 ngày	- Giấy phép môi trường (mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT);

B9	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận kết quả từ UBND thành phố và trả kết quả - Đăng tải nội dung Giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử của Sở 	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Một cửa - Trung tâm CNTTNTMT 	- 1 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - GPMT được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở
3.7.3. Trường hợp 3: 15 ngày giải quyết				
B1	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận 1 cửa Sở kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ (nộp qua DVC mức 4) → trình Lãnh đạo Sở giao việc phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở 	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Một cửa - Lãnh đạo Sở - Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở 	- 1 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B2	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở phân công thụ lý hồ sơ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trưởng phòng, đơn vị chuyên môn - Cán bộ thụ lý 	- 1 ngày	Sổ theo dõi
B3	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>* Trường hợp 1: Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nộp phí thẩm định - Thành lập Tổ thẩm định - Gửi Báo cáo cấp phép môi trường đến các thành viên Tổ thẩm định - Tiếp nhận Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định - Tổng hợp, thông báo bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu của Tổ thẩm định. <p>* Trường hợp 2: Hồ sơ chưa</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng chuyên môn, đơn vị - Lãnh đạo Sở 	- 5 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nộp phí thẩm định - Quyết định thành lập Tổ thẩm định - Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định - Văn bản thông báo kết quả thẩm định hồ sơ của

	<p>đầy đủ, hợp lệ:</p> <p>Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn phê duyệt.</p> <p>+ Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư.</p> <p>+ Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ</p> <p>Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung:</p> <p>+ Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở</p> <p>+ Hồ sơ đạt yêu cầu: Thực hiện các bước tại trường hợp 1</p>			<p>Tổ thẩm định</p> <p>- Thông báo bổ sung hồ sơ</p> <p>- Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở</p> <p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết</p>
B4	- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ	- Một cửa Sở - Cán bộ thụ lý	- 0,5 ngày	Kèm văn bản giải trình nội dung bổ sung, chỉnh sửa của Chủ dự án
B5	- Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu, lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn	- 2,5 ngày	Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B6	- Chuyển Một cửa Sở trình → Lãnh đạo Sở ký Tờ trình, ký nháy Dự thảo Quyết định và chuyển hồ sơ trình một cửa	- Một cửa Sở - Lãnh đạo Sở ký	- 1 ngày	Tờ trình + Dự thảo Giấy phép môi trường/văn bản thông báo

	UBND thành phố để phê duyệt hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ			trả hồ sơ
B7	- UBND TP Hà Nội phê duyệt và cấp lại giấy phép môi trường.	- UBND TP Hà Nội	- 3 ngày	- Giấy phép môi trường (mẫu số 40 Phụ lục II phân phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT);
B8	- Nhận kết quả từ UBND TP và trả kết quả - Đăng tải nội dung Giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử của Sở	- Một cửa Sở - Trung tâm CNTTNTM	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - GPMT được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở
4	Biểu mẫu			
	<p>1. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);</p> <p>2. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II (mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);</p> <p>3. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);</p> <p>4. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);</p> <p>5. Mẫu Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p>			

5. Quy trình: Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (QT-05)

1	<p>Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định hồ sơ Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.</p>		
2	<p>Phạm vi: Tổ chức, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn thành phố Hà Nội</p>		
3	<p>Nội dung quy trình</p>		
3.1	<p>Cơ sở pháp lý</p>		
	<p>1. Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 của Quốc hội; 2. Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học; 3. Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 4. Quyết định số 1756/QĐ-BTNMT ngày 11/8/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường. 5. Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội; 6. Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội/UBND cấp huyện/UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội; 7. Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 22/5/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thực hiện một số nội dung liên quan đến các thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực môi trường.</p>		
3.2	<p>Thành phần hồ sơ</p>	<p>Bản chính</p>	<p>Bản sao</p>

	1. Đơn đăng ký thành lập, chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (Mẫu theo Phụ lục 01, Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);		x	
	2. Dự án thành lập cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (Mẫu theo Phụ lục 02, Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);		x	
	3. Giấy tờ chứng minh có đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Đa dạng sinh học năm 2008.			x
3.3	Số lượng hồ sơ: không quy định.			
3.4	Thời gian xử lý:			
	Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND thành phố Hà Nội có trách nhiệm quyết định cấp Giấy chứng nhận hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội			
3.6	Phí, Lệ phí: không quy định.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
3.7.1. Trường hợp 1 – Hồ sơ đủ điều kiện thu lý: 60 ngày				
B1	- Bộ phận 1 cửa Sở tiếp nhận hồ sơ (nộp trực tiếp) → trình Lãnh đạo Sở giao việc cho Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội; giao Văn thư Chi cục sau khi Lãnh đạo Sở ký.	- 1 cửa Sở - Lãnh đạo Sở ký	- 0,5 ngày - 0,5 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định tại Mẫu theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02, Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày

				22/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B2	- Ký hồ sơ giao việc cho Phòng thẩm định và ĐTM	- Lãnh đạo Chi cục	- 1 ngày	- Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ
	- Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận văn thư Chi cục	- Văn thư phòng		
	- Phân công cán bộ thụ lý hồ sơ thực hiện.	- Trưởng phòng		
	- Vào Sổ theo dõi hồ sơ của phòng và bàn giao hồ sơ cho cán bộ thụ lý thực hiện.	- Văn thư phòng		
B3	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ hồ sơ trong trường hợp hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện thụ lý: + Dự thảo Tờ trình của Sở và Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học của UBND Thành phố để trình Lãnh đạo ký.	- Cán bộ thụ lý	- 27 ngày	Mẫu báo cáo tình trạng bảo tồn loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (Phụ lục 04, Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT
B4	- Trưởng phòng ĐTM duyệt hồ sơ, ký nháy → trình Lãnh đạo Chi cục ký nháy Tờ trình và ký nháy dự thảo Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học → Cán bộ thụ lý hồ sơ.	- Trưởng phòng - Lãnh đạo Chi cục - Cán bộ thụ lý hồ sơ	- 5 ngày - 1 ngày	- Mẫu Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định tại Phụ lục 03, Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT.

B5	- Cán bộ thụ lý hồ sơ liệt kê danh mục hồ sơ, nhật ký hồ sơ chuyên → Văn thư Chi cục → Một cửa Sở tiếp nhận hồ sơ hoàn chỉnh trình phê duyệt → Lãnh đạo Sở ký Tờ trình phê duyệt và ký nháy dự thảo Giấy phép.	- Lãnh đạo Sở - VT Chi cục - Một cửa Sở	- 3 ngày - 1 ngày	Đủ số lượng hồ sơ theo quy định. Mẫu Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định tại Phụ lục 03, Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT.
B6	Một cửa Sở → Một cửa UBND Thành phố Hà Nội	- VT Chi cục - Một cửa Sở	- 0,5 ngày	
B7	- UBND TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học..	- UBND TP Hà Nội	- 20 ngày	Mẫu Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định tại Phụ lục 03, Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT.
B8	- Nhận kết quả từ UBND và trả kết quả	- Một cửa Sở	- 0,5 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc
Tổng cộng			60 ngày	

3.7.2. Trường hợp: Hồ sơ không đủ điều kiện thụ lý (Thông báo bổ sung hồ sơ/trả hồ sơ: 60 ngày

Trình tự	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	thời gian	Biểu mẫu hồ sơ
B1	- Bộ phận 1 cửa Sở tiếp nhận hồ sơ (nộp trực tiếp) → trình Lãnh đạo Sở giao việc cho Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội; giao Văn thư Chi cục sau khi Lãnh đạo Sở ký.	- Một cửa Sở - Lãnh đạo Sở ký	- 0,5 ngày - 0,5 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định tại Mẫu theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02, Ban hành kèm

				theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B2	- Ký hồ sơ giao việc cho Phòng thẩm định và ĐTM	- Lãnh đạo Chi cục	- 1 ngày	- Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ
	- Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận văn thư Chi cục	- Văn thư phòng		
	- Phân công cán bộ thụ lý hồ sơ thực hiện.	- Trưởng phòng		
	- Vào Sổ theo dõi hồ sơ của phòng và bàn giao hồ sơ cho cán bộ thụ lý thực hiện.	- Văn thư phòng		
B3	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ hồ sơ (<i>trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện thụ lý</i>): dự thảo Văn bản Thông báo bổ sung hồ sơ/ Văn bản thông báo trả hồ sơ và nêu rõ lý do trình Trưởng phòng và Lãnh đạo Chi cục ký. <i>(Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan thẩm định và thời gian xem xét, ra quyết định phê duyệt không tính vào thời hạn thẩm định).</i>	- Cán bộ thụ lý - Trưởng phòng - Lãnh đạo Chi cục	- 1 ngày - 1 ngày	- Văn bản Thông báo bổ sung/ Văn bản trả hồ sơ.
	- Một cửa Sở nhận bổ sung hồ sơ của Tổ chức, cá nhân nộp và ký xác nhận vào nhật ký hồ sơ → chuyển giao VT Chi cục → CB thụ lý. - Ký xác nhận thời gian nộp hồ sơ chỉnh sửa vào nhật ký hồ sơ.	- Một cửa Sở - Tổ chức/cá nhân	- 0,5 ngày	Kèm văn bản giải trình nội dung bổ sung, chỉnh sửa của Tổ chức, cá nhân.

B5	<p>Thẩm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hồ sơ đạt yêu cầu đủ điều kiện trình phê duyệt: + Dự thảo Tờ trình của Sở và Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học của UBND Thành phố để trình Lãnh đạo ký. 	- Cán bộ thụ lý	24,5 ngày	Mẫu báo cáo tình trạng bảo tồn loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (Phụ lục 04, Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT
B6	- Trưởng phòng ĐTM duyệt hồ sơ, ký nháy → trình Lãnh đạo Chi cục ký nháy Tờ trình và ký nháy dự thảo Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học → Cán bộ thụ lý hồ sơ.	<ul style="list-style-type: none"> - Trưởng phòng - Lãnh đạo Chi cục - Cán bộ thụ lý hồ sơ 	<ul style="list-style-type: none"> - 5 ngày - 1 ngày 	- Mẫu Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định tại Phụ lục 03, Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT.
B7	- Cán bộ thụ lý hồ sơ liệt kê danh mục hồ sơ, nhật ký hồ sơ chuyển → Văn thư Chi cục → Một cửa Sở tiếp nhận hồ sơ hoàn chỉnh trình phê duyệt → Lãnh đạo Sở ký Tờ trình phê duyệt và ký nháy dự thảo Giấy phép.	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Sở - VT Chi cục - Một cửa Sở 	<ul style="list-style-type: none"> - 3 ngày - 1 ngày 	Đủ số lượng hồ sơ theo quy định. Mẫu Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định tại Phụ lục 03, Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT.
B8	Một cửa Sở → Một cửa UBND Thành phố Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - VT Chi cục - Một cửa Sở 	- 0,5 ngày	
B9	- UBND TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học..	- UBND TP Hà Nội	- 20 ngày	Mẫu Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học

				theo quy định tại Phụ lục 03, Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT.
B10	- Nhận kết quả từ UBND và trả kết quả	- Một cửa Sở	0,5 ngày	- Số theo dõi kết quả xử lý công việc
	Tổng cộng		60 ngày	
4	Biểu mẫu			
	<p>1. Mẫu đơn đăng ký thành lập, chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (Phụ lục 01, Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);</p> <p>2. Mẫu dự án thành lập cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (Phụ lục 02, Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);</p> <p>3. Mẫu giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (Phụ lục 03, Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);</p> <p>4. Mẫu báo cáo tình trạng bảo tồn loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (Phụ lục 04, Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).</p>			

6. Quy trình: Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (QT-06).

1	<p>Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.</p>
2	<p>Phạm vi: - Các dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định của UBND thành phố Hà Nội (quy định tại khoản 3 Điều 35 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020). (Trường hợp các dự án đầu tư khai thác khoáng sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 67 Luật Bảo vệ môi trường lập Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường và được thẩm định trong quá trình thẩm định Báo cáo ĐTM theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của</p>

	<i>Luật Bảo vệ môi trường</i>)		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;</p> <p>2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>5. Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;</p> <p>6. Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội/UBND cấp huyện/UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;</p> <p>7. Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.</p> <p>8. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020.</p> <p>9. Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 22/5/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thực hiện một số nội dung liên quan đến các thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực môi trường.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
a.	Hồ sơ đề nghị thẩm định		
	1. Văn bản đề nghị thẩm định Báo cáo ĐTM (<i>mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>).	x	
	2. Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ	x	

	thuật của dự án đầu tư hoặc các tài liệu tương đương;		
	3. Báo cáo ĐTM (mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).	x	
b	Hồ sơ nộp lại sau khi họp hội đồng.		
	1. Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết quả thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung	x	
	2. Báo cáo ĐTM được đóng quyển gáy cứng, tổ chức/cá nhân ký vào phía dưới của từng trang hoặc đóng dấu giáp lai báo cáo kể cả phụ lục kèm theo đĩa CD trong đó chứa tệp văn bản điện tử định dạng đuôi ".doc" chứa nội dung của báo cáo và tệp văn bản điện tử định dạng đuôi ".pdf" chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo (bao gồm cả phụ lục).	x	
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý: <p>Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính: tối đa 50 ngày làm việc, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp thẩm định Báo cáo ĐTM của các dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định của UBND Thành phố (quy định tại khoản 3 Điều 35 của Luật Bảo vệ môi trường). - Thời điểm thông báo kết quả: trong thời hạn thẩm định. - Thời hạn phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM: tối đa 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. <p>Lưu ý: Thời gian Chủ dự án đầu tư chỉnh sửa, bổ sung báo cáo ĐTM theo yêu cầu của cơ quan thẩm định và thời gian xem xét, ra quyết định phê duyệt không tính vào thời hạn thẩm định.</p>		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội		
3.6	Phí, Lệ phí: * Phí: Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố		

Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020.

Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ

Nhóm dự án	Tổng mức đầu tư ≤ 50 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >50 và ≤ 100 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >100 và ≤ 200 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư >200 và ≤ 500 tỷ Đồng	Tổng mức đầu tư > 500 tỷ Đồng
Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	6.000.000	6.500.000	6.600.000	10.000.000	10.100.000
Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng	7.500.000	8.100.000	8.200.000	12.500.000	12.600.000
Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật	8.400.000	9.100.000	9.200.000	14.000.000	14.100.000
Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	8.600.000	9.300.000	9.500.000	14.400.000	14.500.000
Nhóm 5: Dự án giao thông	9.000.000	9.700.000	9.900.000	15.000.000	15.100.000
Nhóm 6: Dự án công nghiệp	9.400.000	10.200.000	10.300.000	15.600.000	15.700.000
Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	6.000.000	6.500.000	6.600.000	10.000.000	10.100.000

+ Mức thu phí trên đã bao gồm các chi phí cần thiết cho quá trình thẩm định như: Chi phí khảo sát thực tế tại địa điểm dự kiến thực hiện dự án và tổ chức họp của Hội đồng thẩm định (chi lấy ý kiến, bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định.

+ Trường hợp dự án đầu tư thuộc từ 02 nhóm dự án trở lên, thực hiện thu phí thẩm định theo nhóm dự án có mức thu phí cao nhất.

* **Lệ phí:** Không.

3.7 Quy trình xử lý công việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
3.7.1. Trường hợp 1 – Hồ sơ đủ điều kiện thu lý: 50 ngày làm việc				
B1	- Bộ phận Một cửa Sở tiếp	- Một cửa Sở	- 0,5 ngày	- Đủ số lượng, thành

	<p>nhận hồ sơ (nộp trực tiếp) → trình Lãnh đạo Sở ký giao việc cho Phòng chuyên môn thuộc Sở/ Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội (Chi cục BVMT).</p> <p>- Bộ phận Một cửa Sở giao Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/Văn thư Chi cục sau khi Lãnh đạo Sở ký → Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Sở/Lãnh đạo Chi cục → Phân công cán bộ thụ lý hồ sơ thực hiện → Vào Sổ theo dõi hồ sơ của Phòng chuyên môn thuộc Sở/ Chi cục BVMT và bàn giao hồ sơ cho cán bộ thụ lý thực hiện</p>	<p>- Lãnh đạo Sở ký</p> <p>Một cửa Sở + Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/Văn thư Chi cục BVMT + Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Sở/Lãnh đạo Chi cục BVMT</p>	<p>- 0,5 ngày</p> <p>- 1 ngày</p>	<p>phần hồ sơ theo Mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;</p> <p>Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</p> <p>- Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.</p> <p>- Sổ theo dõi hồ sơ</p> <p>- Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ</p>
B2	<p>- Thẩm định hồ sơ:</p> <p>+ Kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ hồ sơ kèm theo điều kiện đã thực hiện tham vấn thông qua đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định (trừ các dự án đầu tư thuộc danh mục bí mật Nhà nước).</p> <p>+ Báo cáo tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ.</p> <p>+ Dự thảo Tờ trình và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định để trình Lãnh đạo ký.</p> <p>+ Thông báo thu phí thẩm định.</p>	- Cán bộ thụ lý	- 1,5 ngày	- Hồ sơ lập đúng quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
B3	<p>- Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Sở/ Lãnh đạo Chi cục BVMT ký Tờ trình và ký nháy dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định → cán bộ thụ lý → Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/ Văn thư Chi cục BVMT.</p>	<p>- Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Sở/Lãnh đạo Chi cục BVMT.</p> <p>- Cán bộ thụ lý hồ sơ + Văn thư Phòng chuyên</p>	<p>- 1,5 ngày</p> <p>- 0,5 ngày</p>	

		môn thuộc Sở/ Văn thư Chi cục BVMT		
B4	- Một cửa Sở nhận kết quả từ Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/Văn thư Chi cục BVMT → trình Chánh Văn phòng Sở xem xét → trình Lãnh đạo Sở ký duyệt ban hành Quyết định → Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/Văn thư Chi cục BVMT	- 1 cửa Sở - Chánh Văn phòng Sở và Lãnh đạo Sở - 1 cửa Sở	- 3 ngày	- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
B5	- Gửi báo cáo cho các thành viên Hội đồng thẩm định đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; - Đề xuất khảo sát thực tế (nếu cần thiết) trong trường hợp Báo cáo ĐTM của dự án cải tạo, mở rộng, nâng công suất hoặc các dự án có vướng mắc về thủ tục pháp lý liên quan đến địa điểm triển khai dự án. - Tổ chức họp Hội đồng Thẩm định Báo cáo ĐTM	- Cán bộ thụ lý. - Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Sở/ Lãnh đạo Chi cục + Lãnh đạo Sở	- 3 ngày	- Giấy mời họp - Biên bản khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT - Biên bản họp HĐĐ theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
B6	- Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM kèm Biên bản phiên họp Hội đồng thẩm định và bản nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định gửi Chủ dự án đầu tư <i>(Thời gian Chủ dự án đầu tư chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo ĐTM theo yêu cầu của cơ quan thẩm định và thời gian xem xét, ra quyết định phê duyệt không tính vào thời hạn thẩm định. Thời gian chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ không quá 12 tháng kể từ ngày Chủ dự án đầu tư nhận được Thông</i>	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Sở + Lãnh đạo Chi cục.	- 2 ngày	- Thông báo kết quả thẩm định theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

	<i>báo kết quả thẩm định. Sau thời hạn này, việc thẩm định, báo cáo ĐTM được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường)</i>			
B7	- Một cửa Sở tiếp nhận hồ sơ hoàn chỉnh trình phê duyệt → chuyển Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/ Văn thư Chi cục BVMT → cán bộ thụ lý.	Một cửa Sở và Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/Văn thư Chi cục BVMT.	- 0,5 ngày	Đủ số lượng hồ sơ theo quy định
B8	- Kiểm tra hồ sơ Báo cáo ĐTM đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu → Dự thảo văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan thẩm định báo cáo ĐTM) lấy ý kiến cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi về việc phê duyệt kết quả thẩm định (đối với các Dự án đầu tư có hoạt động xả thải vào công trình thủy lợi) (<i>thời hạn tối đa cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi có ý kiến là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản. Trường hợp hết thời hạn lấy ý kiến mà không có văn bản trả lời thì được coi là đồng thuận</i>)	- Cán bộ thụ lý	- 6 ngày	- Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường (<i>cơ quan thẩm định báo cáo ĐTM</i>) lấy ý kiến cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi theo Mẫu số 04b Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
		- Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Sở/Lãnh đạo Chi cục BVMT.	-0,5 ngày	
		- Lãnh đạo Sở	- 1 ngày	
B9	* Báo cáo ĐTM đã chỉnh sửa, bổ sung <u>đạt yêu cầu</u> + Văn bản đồng thuận của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi về việc phê duyệt kết quả thẩm định (<i>đối với các Dự án đầu tư có hoạt động xả thải vào công trình thủy lợi</i>) → → Dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của dự án → Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Sở/Lãnh đạo Chi cục → Cán bộ thụ lý;	- Cán bộ thụ lý	- 2,5 ngày	- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của dự án theo mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. - Mẫu văn bản đồng thuận của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi về việc phê duyệt

	- Cán bộ thụ lý hồ sơ liệt kê danh mục hồ sơ, nhật ký hồ sơ chuyên → Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/Văn thư Chi cục BVMT → Một cửa Sở tiếp nhận hồ sơ hoàn chỉnh trình phê duyệt → Lãnh đạo Sở ký Tờ trình phê duyệt và ký nháy dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của dự án → Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/Văn thư Chi cục BVMT → Một cửa Sở → Một cửa UBND Thành phố Hà Nội.			kết quả thẩm định theo mẫu số 04c Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
		- Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Sở/Lãnh đạo Chi cục BVMT.	- 2 ngày	
		- Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/Văn thư Chi cục BVMT	- 0,5 ngày	
		- Lãnh đạo Sở	- 2 ngày	
		- Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/Văn thư Chi cục BVMT và Một cửa Sở + Một cửa UBND Thành phố Hà Nội	- 0,5 ngày	
* Trường hợp Báo cáo ĐTM bổ sung, chỉnh sửa <u>không đạt yêu cầu</u> : dự thảo văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết và nêu rõ lý do		- 0,5 ngày	- Văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.	
B10	UBND thành phố Hà Nội phê duyệt báo cáo ĐTM	UBND thành phố Hà Nội	- 20 ngày	Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của dự án theo mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

B11	- Nhận kết quả từ UBND thành phố Hà Nội và trả kết quả	- Một cửa Sở	- 0,5 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc
	Tổng cộng		50 ngày	
3.7.2. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện thụ lý (Thông báo bổ sung hồ sơ –BSHS): 50 ngày làm việc				
Trình tự	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	thời gian	Biểu mẫu hồ sơ
B1	- Bộ phận Một cửa Sở tiếp nhận hồ sơ (nộp trực tiếp) → trình Lãnh đạo Sở ký giao việc cho Phòng chuyên môn thuộc Sở/Chi cục Bảo vệ môi trường	- Một cửa Sở	- 0,5 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định tại mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả KQ - Sổ theo dõi hồ sơ ĐTM - Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ
	- Bộ phận Một cửa Sở giao Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/Văn thư Chi cục sau khi Lãnh đạo Sở ký → Lãnh đạo Phòng chuyên môn/Lãnh đạo Chi cục → Phân công cán bộ thụ lý hồ sơ thực hiện → Vào Sổ theo dõi hồ sơ của Phòng chuyên môn thuộc Sở/ Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội và bàn giao hồ sơ cho cán bộ thụ lý thực hiện	- Lãnh đạo Sở ký	- 0,5 ngày	
		- Một cửa Sở + Văn thư Phòng chuyên môn/Văn thư Chi cục BVMT Hà Nội + Lãnh đạo chuyên môn/Lãnh đạo Chi cục	- 1 ngày	
B2	Kiểm tra tính pháp lý đầy đủ của hồ sơ {trường hợp chưa hợp lệ hoặc chưa được tham vấn thông qua đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định (trừ các dự án đầu tư thuộc danh mục bí mật Nhà nước)} → dự thảo Thông báo bổ sung hồ sơ/Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: - Tại Chi cục BVMT: trình Lãnh đạo Chi cục BVMT ký Thông báo bổ sung hồ sơ/Lãnh đạo Sở ký Thông báo hồ sơ	- Cán bộ thụ lý	- 05 ngày	Thông báo bổ sung hồ sơ/ Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
		-Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Sở/ Lãnh đạo Chi cục; Lãnh đạo Sở	- 0,5 ngày	

	không đủ điều kiện giải quyết. - Tại Phòng chuyên môn thuộc Sở: Trình Lãnh đạo Sở ký.			
B3	- Một cửa Sở nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án đầu tư/đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM nộp và ký xác nhận vào nhật ký hồ sơ → chuyển giao Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/Văn thư Chi cục → Cán bộ thụ lý. - Ký xác nhận thời gian nộp hồ sơ chỉnh sửa vào nhật ký hồ sơ. <i>(Thời gian thụ lý hồ sơ không bao gồm thời gian Chủ dự án đầu tư bổ sung hồ sơ)</i>	- Một cửa Sở - Chủ dự án đầu tư/đơn vị tư vấn	- 0,5 ngày	Kèm văn bản giải trình nội dung bổ sung, chỉnh sửa của Chủ dự án đầu tư.
B4	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ hồ sơ. - Báo cáo tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ. - Dự thảo Tờ trình và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định để trình Lãnh đạo ký. - Thông báo thu phí thẩm định.	- Cán bộ thụ lý	- 0,5 ngày	- Hồ sơ lập đúng quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
B5	Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Sở/Lãnh đạo Chi cục duyệt hồ sơ, ký Tờ trình và ký nháy dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định → chuyển cán bộ thụ lý hồ sơ tiếp tục xử lý → chuyển văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/Văn thư Chi cụcBVMT	- Lãnh đạo Phòng chuyên môn/Lãnh đạo Chi cụcBVMT. - Cán bộ thụ lý. - Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/Văn thư Chi cụcBVMT	- 1,5 ngày	
B6	Một cửa nhận kết quả từ Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/Văn thư Chi cục → trình Chánh văn phòng Sở xem xét → trình Lãnh đạo Sở ký duyệt ban hành Quyết định → Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/Văn thư Chi cục BVMT	Một cửa Sở + Chánh Văn phòng Sở và Lãnh đạo Sở + Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/Văn thư Chi cục BVMT	- 1,5 ngày	- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định theo mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

B7	<ul style="list-style-type: none"> - Gửi báo cáo cho các thành viên Hội đồng thẩm định đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; - Đề xuất khảo sát thực tế (nếu cần thiết) trong trường hợp Báo cáo ĐTM của dự án cải tạo, mở rộng, nâng công suất hoặc các dự án có vướng mắc về thủ tục pháp lý liên quan đến địa điểm triển khai dự án. - Tổ chức họp Hội đồng Thẩm định Báo cáo ĐTM 	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý. - Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Sở/Lãnh đạo Chi cục BVMT + Lãnh đạo Sở 	- 3 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy mời họp - Biên bản khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT - Biên bản họp HĐTĐ mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
B8	<p>- Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM kèm Biên bản phiên họp Hội đồng thẩm định và bản nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định gửi Chủ dự án đầu tư (<i>Thời gian Chủ dự án đầu tư chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo ĐTM theo yêu cầu của cơ quan thẩm định và thời gian xem xét, ra quyết định phê duyệt không tính vào thời hạn thẩm định. Thời gian chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ không quá 12 tháng kể từ ngày Chủ dự án đầu tư nhận được Thông báo kết quả thẩm định. Sau thời hạn này, việc thẩm định Báo cáo ĐTM được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường</i>)</p>	<ul style="list-style-type: none"> * Tại Chi cục BVMT: <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Trưởng phòng Thẩm định và ĐTM +Lãnh đạo Chi cục BVMT. * Tại Phòng chuyên môn thuộc Sở: <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý. - Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Sở + Lãnh đạo Sở 	- 2 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo kết quả thẩm định theo mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
B9	<p>Một cửa Sở tiếp nhận hồ sơ hoàn chỉnh trình phê duyệt → chuyển Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/Văn thư Chi cục → cán bộ thụ lý.</p>	<p>Một cửa Sở + Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/Văn thư Chi cục.</p>	- 0,5 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết quả thẩm định, trừ:

				trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung. - Đủ số lượng hồ sơ theo quy định.
B10	- Kiểm tra hồ sơ Báo cáo ĐTM đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu → Dự thảo văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan thẩm định báo cáo ĐTM) lấy ý kiến cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi về việc phê duyệt kết quả thẩm định (đối với các Dự án đầu tư có hoạt động xả thải vào công trình thủy lợi) (<i>thời hạn tối đa cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi có ý kiến là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản. Trường hợp hết thời hạn lấy ý kiến mà không có văn bản trả lời thì được coi là đồng thuận</i>)	- Cán bộ thụ lý	- 5 ngày	- Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường (<i>cơ quan thẩm định báo cáo ĐTM</i>) lấy ý kiến cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi theo Mẫu số 04b Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
		Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Sở/ Lãnh đạo Chi cục BVMT.	- 0,5 ngày	
		- Lãnh đạo Sở	- 0,5 ngày	
B11	* Báo cáo ĐTM đã chỉnh sửa, bổ sung <u>đạt yêu cầu</u> + Văn bản đồng thuận của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi về việc phê duyệt kết quả thẩm định (<i>đối với các Dự án đầu tư có hoạt động xả thải vào công trình thủy lợi</i>) → Dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM của dự án. Cán bộ thụ lý hồ sơ liệt kê danh mục hồ sơ, nhật ký hồ sơ → chuyển Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/ Văn thư Chi cục BVMT → Một cửa Sở tiếp nhận hồ sơ hoàn chỉnh trình phê duyệt → Lãnh đạo Sở ký Tờ trình phê duyệt và ký nháy dự thảo Quyết định phê duyệt	- Cán bộ thụ lý	- 2 ngày	- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM của dự án theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
		- Lãnh đạo Phòng chuyên môn thuộc Sở/ Lãnh đạo Chi cục BVMT.	- 2 ngày	- Mẫu văn bản đồng thuận của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi về việc phê duyệt kết quả thẩm định theo Mẫu số 04c Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
		- Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/ Văn thư Chi cục BVMT và Một cửa Sở	- 0,5 ngày	

	kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của dự án → Văn thư Chi cục → Một cửa Sở → Một cửa UBND thành phố Hà Nội.	- Lãnh đạo Sở - Văn thư Phòng chuyên môn thuộc Sở/Văn thư Chi cục BVMT + Một cửa Sở + Một cửa UBND thành phố Hà Nội	- 1 ngày - 0,5 ngày	
	*Trường hợp Báo cáo ĐTM bổ sung, chỉnh sửa <u>không đạt yêu cầu</u> : dự thảo văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết và nêu rõ lý do		- 0,5 ngày	- Văn bản thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.
B12	UBND thành phố Hà Nội phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM	UBND thành phố Hà Nội	- 20 ngày	Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM của dự án theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
B13	Nhận kết quả từ UBND Thành phố và trả kết quả	- Một cửa Sở	- 0,5 ngày	Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc
	Tổng cộng		50 ngày	
4	Biểu mẫu			
	<p>1. Mẫu Văn bản đề nghị thẩm định Báo cáo ĐTM thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Mẫu Cấu trúc và nội dung cụ thể của báo cáo ĐTM theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>3. Mẫu Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>4. Mẫu Văn bản của cơ quan thẩm định Báo cáo ĐTM lấy ý kiến cơ quan nhà nước</p>			

<p>quản lý công trình thủy lợi theo Mẫu số 4b Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>5. Mẫu Văn bản trả lời của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM theo Mẫu số 4c Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>6. Mẫu Biên bản khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>7. Mẫu Biên bản họp Hội đồng thẩm định theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>8. Mẫu Thông báo kết quả thẩm định theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>9. Mẫu Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p>
--

7. Quy trình: Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ (QT-07)

1	<p>Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định hồ sơ Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.</p>
2	<p>Phạm vi: Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ tại Việt Nam nằm trên địa bàn thành phố Hà Nội</p>
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý

	<p>1. Luật Đa dạng sinh học năm 2008;</p> <p>2. Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về Tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;</p> <p>3. Quyết định số 1756/QĐ-BTNMT ngày 11/8/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>4. Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;</p> <p>5. Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội/UBND cấp huyện/UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;</p> <p>6. Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 22/5/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thực hiện một số nội dung liên quan đến các thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực môi trường.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép Trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ (<i>Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ</i>);	x	
	2. Giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của mẫu vật;	x	
	3. Văn bản thỏa thuận về trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài được ưu tiên bảo vệ;	x	
	4. Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân hợp lệ.		x
3.3	Số lượng hồ sơ: 03 bộ		
3.4	Thời gian xử lý:		

	<p>Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính: tối đa 30 ngày, cụ thể như sau:</p> <p>- <i>Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ</i>: trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân về việc chấp nhận hồ sơ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định; việc yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ được thực hiện một (01) lần và thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ;</p> <p>- <i>Thời hạn thẩm định, ban hành quyết định cấp phép</i>: trong thời hạn 30 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tiến hành thẩm định và trình UBND Thành phố cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài hoang dã thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ cho tổ chức, cá nhân đề nghị.</p> <p><i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i></p>			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội			
3.6	Phí, Lệ phí: không quy định.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
<u>3.7.1. Trường hợp: Hồ sơ đủ điều kiện thu lý : 30 ngày</u>				
B1	- Bộ phận 1 của Sở tiếp nhận hồ sơ (nộp trực tiếp) → trình Lãnh đạo Sở giao việc cho Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội; giao Văn thư Chi cục sau khi Lãnh đạo Sở ký.	- 1 cửa Sở - Lãnh đạo Sở ký	- 0,5 ngày - 0,5 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B2	- Ký hồ sơ giao việc cho Phòng thẩm định và ĐTM	- Lãnh đạo Chi cục		- Sổ theo dõi hồ sơ

	- Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận văn thư Chi cục - Phân công cán bộ thụ lý hồ sơ thực hiện. - Vào Sổ theo dõi hồ sơ của phòng và bàn giao hồ sơ cho cán bộ thụ lý thực hiện.	- Văn thư phòng - Trưởng phòng - Văn thư phòng	- 1 ngày	- Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ
B3	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ hồ sơ trong trường hợp hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện thụ lý: + Dự thảo Tờ trình của Sở và Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ của UBND Thành phố để trình Lãnh đạo ký.	- Cán bộ thụ lý	- 9 ngày	- Mẫu Giấy phép theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP
B4	- Trưởng phòng ĐTM duyệt hồ sơ, ký nháy → trình Lãnh đạo Chi cục ký nháy Tờ trình và ký nháy dự thảo Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ →; Cán bộ thụ lý hồ sơ.	- Trưởng phòng - Lãnh đạo Chi cục - Cán bộ thụ lý hồ sơ	- 3 ngày - 1 ngày	- Mẫu giấy phép theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP
B5	- Cán bộ thụ lý hồ sơ liệt kê danh mục hồ sơ, nhật ký hồ sơ chuyển → Văn thư Chi cục → Một cửa Sở tiếp nhận hồ sơ hoàn chỉnh trình phê duyệt → Lãnh đạo Sở ký Tờ trình phê duyệt và ký nháy dự thảo Giấy phép.	- Lãnh đạo Sở - VT Chi cục - Một cửa Sở	- 3 ngày - 1 ngày	Đủ số lượng hồ sơ theo quy định Mẫu giấy phép theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP
B6	Một cửa Sở → Một cửa UBND Thành phố Hà Nội	- VT Chi cục - Một cửa Sở	- 0,5 ngày	
B7	- UBND TP Hà Nội cấp Giấy phép.	- UBND TP Hà Nội	- 10 ngày	Mẫu giấy phép theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo

				Nghị định số 160/2013/NĐ-CP
B8	- Nhận kết quả từ UBND và trả kết quả	- Một cửa Sở	- 0,5 ngày	- Số theo dõi kết quả xử lý công việc
	Tổng cộng		30 ngày	
<u>3.7.2. Trường hợp: Hồ sơ không đủ điều kiện thụ lý (Thông báo bổ sung hồ sơ trong vòng 5 ngày làm việc): 30 ngày</u>				
B1	- Bộ phận 1 cửa Sở tiếp nhận hồ sơ (nộp trực tiếp) → trình Lãnh đạo Sở giao việc cho Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội; giao Văn thư Chi cục sau khi Lãnh đạo Sở ký.	- 1 cửa Sở - Lãnh đạo Sở ký	- 0,5 ngày - 0,5 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B2	- Ký hồ sơ giao việc cho Phòng thẩm định và ĐTM	- Lãnh đạo Chi cục	- 1 ngày	- Số theo dõi hồ sơ - Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ
	- Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận văn thư Chi cục	- Văn thư phòng		
	- Phân công cán bộ thụ lý hồ sơ thực hiện.	- Trưởng phòng		
	- Vào Sổ theo dõi hồ sơ của phòng và bàn giao hồ sơ cho cán bộ thụ lý thực hiện.	- Văn thư phòng		
B3	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ hồ sơ (<i>trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện thụ lý trong 5 ngày làm việc</i>): dự thảo Văn bản Thông báo bổ sung hồ sơ/ Văn bản thông báo trả hồ sơ và nêu rõ lý do trình	- Cán bộ thụ lý - Trưởng phòng - Lãnh đạo Chi	- 1 ngày - 1 ngày	- Văn bản Thông báo bổ sung/ Văn bản trả hồ sơ.

	<p>Trưởng phòng và Lãnh đạo Chi cục ký.</p> <p>(Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan thẩm định và thời gian xem xét, ra quyết định phê duyệt không tính vào thời hạn thẩm định).</p>	cục		
B4	<ul style="list-style-type: none"> - Một cửa Sở nhận bổ sung hồ sơ của Tổ chức, cá nhân nộp và ký xác nhận vào nhật ký hồ sơ → chuyển giao VT Chi cục → CB thụ lý. - Ký xác nhận thời gian nộp hồ sơ chỉnh sửa vào nhật ký hồ sơ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Một cửa Sở - Tổ chức/cá nhân 	- 0,5 ngày	Kèm văn bản giải trình nội dung bổ sung, chỉnh sửa của Tổ chức, cá nhân.
B5	<p>Thẩm định hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hồ sơ đạt yêu cầu đủ điều kiện trình phê duyệt. + Dự thảo Tờ trình của Sở và Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ của UBND Thành phố để trình Lãnh đạo ký. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý 	- 7,5 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu Giấy phép theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP
B6	<ul style="list-style-type: none"> - Trưởng phòng ĐTM duyệt hồ sơ, ký nháy → trình Lãnh đạo Chi cục ký nháy Tờ trình và ký nháy dự thảo Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ →; Cán bộ thụ lý hồ sơ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trưởng phòng - Lãnh đạo Chi cục - Cán bộ thụ lý hồ sơ 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 ngày - 1 ngày 	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu giấy phép theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP
B7	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý hồ sơ liệt kê danh mục hồ sơ, nhật ký hồ sơ chuyển → Văn thư Chi cục → Một cửa Sở tiếp nhận hồ sơ hoàn chỉnh trình phê duyệt → Lãnh đạo Sở ký Tờ trình phê duyệt và ký nháy dự thảo Giấy phép. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Sở - VT Chi cục - Một cửa Sở 	<ul style="list-style-type: none"> - 3 ngày - 1 ngày 	<ul style="list-style-type: none"> Đủ số lượng hồ sơ theo quy định Mẫu giấy phép theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-

				CP
B8	Một cửa Sở → Một cửa UBND Thành phố Hà Nội	- VT Chi cục - Một cửa Sở	- 0,5 ngày	
B9	- UBND TP Hà Nội cấp Giấy phép.	- UBND TP Hà Nội	- 10 ngày	Mẫu giấy phép theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP
B10	- Nhận kết quả từ UBND và trả kết quả	- Một cửa Sở	- 0,5 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc
	Tổng cộng		30 ngày	
4	Biểu mẫu			
	<p>1. Mẫu Đơn đề nghị cấp phép trao đổi, mua, bán, tặng, cho, thuê loài được ưu tiên bảo vệ (Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ);</p> <p>2. Mẫu Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ).</p>			

8. Quy trình: Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (QT-08)

1	<p>Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thủ tục tiến hành tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với Chủ cơ sở hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) trên địa bàn Thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.</p>
2	<p>Phạm vi: Áp dụng trong việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với các cơ sở hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 67 Luật Bảo vệ môi trường (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p>
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

	<p>2. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;</p> <p>3. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>4. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT);</p> <p>5. Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;</p> <p>6. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>7. Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội/UBND cấp huyện/UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;</p> <p>8. Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố;</p> <p>9. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020;</p> <p>10. Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 22/5/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thực hiện một số nội dung liên quan đến các thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực môi trường.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao (có xác nhận của tổ chức, đơn vị)
	1. Văn bản đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường (mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).	x	
	2. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT);	x	
	3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường		x

	hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt hoặc xác nhận.		
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
	Thời gian xử lý:		
3.4	<p>Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính: tối đa 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn thẩm định: Tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thời hạn phê duyệt hồ sơ: tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. <p><i>Lưu ý: Thời gian Chủ cơ sở chỉnh sửa, bổ sung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan thẩm định và thời gian xem xét, ra quyết định phê duyệt không tính vào thời hạn thẩm định.</i></p>		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội		
3.6	<p>Phí, Lệ phí:</p> <p>* Phí:</p> <p>Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020.</p> <p>Cụ thể:</p> <p>a. Đối tượng nộp phí:</p> <p>Tổ chức, cá nhân là chủ cơ sở khai thác khoáng sản khi nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt của UBND thành phố Hà Nội.</p> <p>b. Mức thu phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường thông qua Hội đồng thẩm định không có hoạt động kiểm tra thực tế (Hội đồng thẩm định thông thường): 7.300.000 đồng. - Đối với trường hợp thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Hội đồng thẩm định có hoạt động kiểm tra thực địa trong trường hợp có đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định: 13.100.000 đồng. - Mức thu phí trên đã bao gồm các chi phí cần thiết cho quá trình thẩm định như: Chi phí khảo sát, kiểm tra thực tế tại cơ sở và tổ chức họp của Hội đồng thẩm định (chi lấy ý kiến, bản nhận xét thẩm định, báo cáo thẩm định); không bao gồm chi phí quan trắc, lấy mẫu và phân tích phát sinh trong quá trình thẩm định. <p>* Lệ phí: Không.</p>		

3.7 Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
<i>3.7.1. Trường hợp 1 – Hồ sơ đủ điều kiện thụ lý: 45 ngày</i>				
B1	- Bộ phận 1 cửa Sở tiếp nhận hồ sơ (nộp trực tiếp) → trình Lãnh đạo Sở giao việc cho Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội; giao Văn thư Chi cục sau khi Lãnh đạo Sở ký.	- 1 cửa Sở - Lãnh đạo Sở ký	- 0,5 ngày - 0,5 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2, đúng theo biểu mẫu quy định tại mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B2	Ký hồ sơ giao việc cho Phòng thẩm định và ĐTM	- Lãnh đạo Chi cục	- 01 ngày	- Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ
	Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận văn thư Chi cục	- Văn thư phòng		
	Phân công cán bộ thụ lý hồ sơ thực hiện.	- Trưởng phòng		
	Vào Sổ theo dõi hồ sơ của phòng và bàn giao hồ sơ cho cán bộ thụ lý thực hiện.	- Văn thư phòng		
B3	Thẩm định hồ sơ: + Kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ hồ sơ. + Dự thảo Tờ trình và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định để trình Lãnh đạo ký.	- Cán bộ thụ lý	- 1,5 ngày	Hồ sơ lập đúng quy định tại Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
B4	Trưởng phòng ĐTM duyệt hồ sơ, ký nháy trình Lãnh đạo Chi cục ký Tờ trình và ký nháy dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Phương án cải tạo, phục hồi môi trường → cán bộ thụ lý → văn thư Chi cục	- Trưởng phòng - Lãnh đạo Chi cục - Cán bộ thụ lý hồ sơ - Văn thư Chi cục	- 1,5 ngày - 0,5 ngày	Dự thảo Quyết định thành lập HĐĐ Phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
B5	Một cửa Sở nhận kết quả từ văn thư Chi cục → trình Chánh văn phòng Sở xem xét → trình	- 1 cửa Sở - Chánh VP Sở	- 3 ngày	Quyết định thành lập HĐĐ Phương án cải tạo, phục hồi

	Lãnh đạo Sở ký duyệt Ban hành Quyết định → văn thư Chi cục	và Lãnh đạo Sở - 1 cửa Sở		môi trường theo mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT
B6	<ul style="list-style-type: none"> - Gửi báo cáo cho các thành viên Hội đồng thẩm định đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; - Trong quá trình thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội được tiến hành các hoạt động: Khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về hiện trạng môi trường tại địa điểm thực hiện dự án; Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp phản biện nội dung của phương án cải tạo, phục hồi môi trường. - Tổ chức họp Hội đồng Thẩm định phương án và thông báo kết quả họp tới tổ chức, cá nhân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Trưởng phòng + Lãnh đạo Chi cục + Lãnh đạo Sở 	<ul style="list-style-type: none"> - 5 ngày - 1,5 ngày 	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT - Biên bản họp HĐĐ theo mẫu số 14 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
B7	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường kèm Biên bản phiên họp Hội đồng thẩm định gửi Chủ cơ sở (<i>Thời gian Chủ cơ sở chỉnh sửa, bổ sung phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan thẩm định và thời gian xem xét, ra quyết định phê duyệt không tính vào thời hạn thẩm định. Thời gian chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ tối đa 12 tháng kể từ ngày cơ quan thẩm định có văn bản Thông báo kết quả thẩm định yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung gửi Chủ cơ sở. Sau thời hạn này, việc thẩm định Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Trưởng phòng + Lãnh đạo Chi cục 	- 2 ngày	<ul style="list-style-type: none"> Thông báo kết quả thẩm định Phương án theo mẫu số 17 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

	CP ngày 10/01/2022)			
B8	- Một cửa Sở tiếp nhận hồ sơ hoàn chỉnh trình phê duyệt → chuyển văn thư Chi cục → cán bộ thụ lý.	Một cửa Sở và văn thư Chi cục.	- 0,5 ngày	
B9	- Kiểm tra hồ sơ Báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung <u>đạt yêu cầu</u> , lập báo cáo kết quả thẩm định → Dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định, liệt kê danh mục hồ sơ, nhật ký hồ sơ trình Trưởng phòng ký nháy → Lãnh đạo Chi cục → Cán bộ thụ lý. - Cán bộ thụ lý hồ sơ liệt kê danh mục hồ sơ, nhật ký hồ sơ chuyển → Văn thư Chi cục → Một cửa Sở tiếp nhận hồ sơ hoàn chỉnh trình phê duyệt → Lãnh đạo Sở ký Tờ trình phê duyệt và ký nháy dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của cơ sở → Văn thư Chi cục → Một cửa Sở → Một cửa UBND TP Hà Nội. * Trường hợp Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của cơ sở chỉnh sửa <u>không đạt yêu cầu</u> : dự thảo văn bản Thông báo trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do.	- Cán bộ thụ lý - Trưởng phòng và Lãnh đạo Chi cục. - Văn thư Chi cục và Một cửa Sở. - Lãnh đạo Sở - VT Chi cục - Một cửa Sở - Một cửa UBND Thành phố	- 4,5 ngày - 4 ngày - 0,5 ngày - 2 ngày - 0,5 ngày - 0,5 ngày	- Đủ số lượng hồ sơ theo quy định. - Dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu số 18 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. - Văn bản thông báo trả lại hồ sơ.
B10	UBND thành phố Hà Nội phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường	UBND thành phố Hà Nội	15 ngày	Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu số 18 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

B11	- Nhận kết quả từ UBND Thành phố và trả kết quả	- Một cửa Sở	- 0,5 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc
Tổng cộng			45 ngày	
3.7.2. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện thu lý (Thông báo bổ sung hồ sơ –BSHS): 45 ngày làm việc				
Trình tự	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	thời gian	Biểu mẫu hồ sơ
B1	- Bộ phận 1 cửa Sở tiếp nhận hồ sơ (nộp trực tiếp) → trình Lãnh đạo Sở giao việc cho Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội; giao Văn thư Chi cục sau khi Lãnh đạo Sở ký.	- 1 cửa Sở - Lãnh đạo Sở ký	- 0,5 ngày - 0,5 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2, đúng theo biểu mẫu quy định tại mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B2	Ký hồ sơ giao việc cho Phòng thẩm định và ĐTM	- Lãnh đạo Chi cục	- 01 ngày	- Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ
	Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận văn thư Chi cục	- Văn thư phòng		
	Phân công cán bộ thụ lý hồ sơ thực hiện.	- Trưởng phòng		
	Vào Sổ theo dõi hồ sơ của phòng và bàn giao hồ sơ cho cán bộ thụ lý thực hiện.	- Văn thư phòng		
B3	- Kiểm tra tính pháp lý đầy đủ của hồ sơ (trường hợp chưa hợp lệ) → dự thảo Thông báo BSHS/công văn trả hồ sơ trình Trưởng phòng và lãnh đạo Chi cục ký.	- Cán bộ thụ lý - Trưởng phòng + Lãnh đạo Chi cục	- 05 ngày - 0,5 ngày	Thông báo bổ sung hồ sơ
B4	- Một cửa Sở nhận bổ sung hồ sơ của Chủ cơ sở/đơn vị tư vấn lập Phương án cải tạo, phục hồi môi trường nộp và ký xác nhận vào nhật ký hồ sơ → chuyển giao VT Chi cục → CB thụ lý. - Ký xác nhận thời gian nộp hồ sơ chỉnh sửa vào nhật ký hồ	- Một cửa Sở - Chủ cơ sở/đơn vị tư vấn	- 0,5 ngày	Kèm văn bản giải trình nội dung bổ sung, chỉnh sửa của Chủ cơ sở.

	sơ. (Thời gian thụ lý hồ sơ không bao gồm thời gian Chủ cơ sở bổ sung hồ sơ)			
B5	Thẩm định hồ sơ: + Kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ hồ sơ. + Dự thảo Tờ trình và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định để trình Lãnh đạo ký.	- Cán bộ thụ lý	- 1 ngày	Hồ sơ lập đúng quy định tại Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
B6	Trưởng phòng ĐTM duyệt hồ sơ, ký nháy trình Lãnh đạo Chi cục ký Tờ trình và ký nháy dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Phương án cải tạo, phục hồi môi trường → cán bộ thụ lý → văn thư Chi cục	- Trưởng phòng - Lãnh đạo Chi cục - Cán bộ thụ lý hồ sơ - Văn thư Chi cục	- 1 ngày - 0,5 ngày	Dự thảo Quyết định thành lập HĐĐĐ Phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
B7	Một cửa nhận kết quả từ văn thư Chi cục → trình Chánh văn phòng Sở xem xét → trình Lãnh đạo Sở ký duyệt Ban hành Quyết định → văn thư Chi cục	- 1 cửa Sở - Chánh VP Sở và Lãnh đạo Sở - 1 cửa Sở	- 3 ngày	Quyết định thành lập HĐĐĐ Phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
B8	- Gửi báo cáo cho các thành viên HĐĐĐ đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; - Trong quá trình thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội được tiến hành các hoạt động: Khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về hiện trạng môi trường tại địa điểm thực hiện dự án; Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp phản biện nội dung của phương án cải tạo, phục hồi môi trường. - Tổ chức họp Hội đồng Thẩm định phương án và thông báo kết quả họp tới tổ chức, cá	- Cán bộ thụ lý - Trưởng phòng + Lãnh đạo Chi cục + Lãnh đạo Sở	- 4,5 ngày - 1,5 ngày	- Biên bản khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT - Biên bản họp HĐĐĐ theo mẫu số 14 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

	nhân.			
B9	<p>- Thông báo kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường kèm Biên bản phiên họp Hội đồng thẩm định gửi Chủ cơ sở (Thời gian Chủ cơ sở chỉnh sửa, bổ sung phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan thẩm định và thời gian xem xét, ra quyết định phê duyệt không tính vào thời hạn thẩm định. Thời gian chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ tối đa 12 tháng kể từ ngày cơ quan thẩm định có văn bản Thông báo kết quả thẩm định yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung gửi Chủ cơ sở. Sau thời hạn này, việc thẩm định Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022)</p>	<p>- Cán bộ thụ lý - Trưởng phòng + Lãnh đạo Chi cục</p>	- 2 ngày	<p>Thông báo kết quả thẩm định Phương án theo mẫu số 17 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</p>
B10	<p>- Một cửa Sở tiếp nhận hồ sơ hoàn chỉnh trình phê duyệt → chuyển văn thư Chi cục → cán bộ thụ lý.</p>	<p>Một cửa Sở và văn thư Chi cục.</p>	0,5 ngày	
B11	<p>- Kiểm tra hồ sơ Báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung <u>đạt yêu cầu</u>, lập báo cáo kết quả thẩm định → Dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định, liệt kê danh mục hồ sơ, nhật ký hồ sơ trình Trưởng phòng ký nháy → Lãnh đạo Chi cục → Cán bộ thụ lý. - Cán bộ thụ lý hồ sơ liệt kê danh mục hồ sơ, nhật ký hồ sơ chuyển → Văn thư Chi cục → Một cửa Sở tiếp nhận hồ sơ hoàn chỉnh trình phê duyệt → Lãnh đạo Sở ký Tờ trình phê duyệt và ký nháy dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả</p>	<p>- Cán bộ thụ lý - Trưởng phòng và Lãnh đạo Chi cục. - VT Chi cục và Một cửa Sở. - Lãnh đạo Sở - VT Chi cục và Một cửa Sở - Một cửa UBND Thành phố</p>	<p>- 5 ngày - 3,5 ngày - 0,5 ngày - 2 ngày - 0,5 ngày - 0,5 ngày</p>	<p>- Đủ số lượng hồ sơ theo quy định. - Dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu số 18 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. - Văn bản thông báo trả lại hồ sơ.</p>

	thẩm định Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của cơ sở → Văn thư Chi cục → Một cửa Sở. → Một cửa UBND TP Hà Nội. * Trường hợp Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của cơ sở chỉnh sửa <u>không đạt yêu cầu</u> : dự thảo văn bản Thông báo trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do.			
B12	UBND thành phố Hà Nội phê duyệt kết quả thẩm định Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của cơ sở.	UBND thành phố Hà Nội	15 ngày	Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu số 18 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
B13	- Nhận kết quả từ UBND Thành phố và trả kết quả	- Một cửa Sở	- 0,5 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc
	Tổng cộng		45 ngày	
4	Biểu mẫu			
	<p>1. Mẫu Văn bản đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản thực hiện theo Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Mẫu Cấu trúc và nội dung cụ thể của phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản theo Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>3. Mẫu Quyết định thành lập HĐTĐ theo Mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>4. Mẫu Biên bản họp HĐTĐ theo Mẫu số 14 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>5. Mẫu Biên bản khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án theo Mẫu số 05 Phụ lục</p>			

<p>II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>6. Mẫu Thông báo kết quả thẩm theo Mẫu số 17 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>7. Mẫu Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định phương án theo Mẫu số 18 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p>

B. NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP HUYỆN

1. Quy trình: Cấp giấy phép môi trường (QT-H-02)

1	<p>Mục đích:</p> <p>Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở trên địa bàn quận/huyện/thị xã đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.</p>
2	<p>Phạm vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức; - Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng nêu trên.
3	<p>Nội dung quy trình</p>
3.1	<p>Cơ sở pháp lý</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; 2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; 4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 5. Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thay thế; bị

	<p>bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;</p> <p>6. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);	x	
	<p>- 01 Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở:</p> <p>+ Trường hợp dự án đầu tư nhóm III: mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</p> <p>+ Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III: mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.</p>	x	
	2. Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường).		x
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý:		
	<p>Trường hợp 1. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 30(ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 05(năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p> <p>Trường hợp 2. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 15(mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh</p>		

	<p>sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ) đối với các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; • Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. <p><i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i></p>			
3.5	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện</p> <p><i>Lưu ý: Đối với Trường hợp 2: Khi thành phố chưa triển khai áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức 4 thì nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa cấp huyện.</i></p>			
3.6	<p>Phí, Lệ phí:</p> <p>Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: 7.200.000 đồng. - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 2.900.000 đồng. 			
3.7	<p>Quy trình xử lý công việc</p>			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
<p>3.7.1. Trường hợp 1: 30 ngày làm việc</p>				
B1	- Bộ phận 1 cửa cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ về	- Cán bộ Một cửa	- 1 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ

	Phòng TN&MT	- Lãnh đạo phòng TN&MT		sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B2	Lãnh đạo phòng TN&MT giao việc cho cán bộ thụ lý	- Lãnh đạo phòng TN&MT - Cán bộ thụ lý	- 0,5 ngày	- Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ
B3	Kiểm tra hồ sơ: * Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau: - Đăng tải công khai Báo cáo đề xuất CPMT lên Cổng thông tin điện tử cấp huyện; - Gửi Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan; - Thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra: + Đối với dự án đầu tư, cơ quan cấp phép thành lập tổ thẩm định, tổ thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư; + Đối với cơ sở đang hoạt động, cơ quan cấp phép thành lập tổ kiểm tra, tổ kiểm tra có trách nhiệm tổ chức kiểm tra thực tế. * Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn phê duyệt. - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ	- Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT cấp huyện - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng TN&MT - Lãnh đạo UBND cấp huyện	- 3,5 ngày	- Báo cáo đề xuất CPMT được công khai lên Cổng thông tin điện tử cấp huyện - Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan - Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra - Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở

	<p>sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyên về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ.</p> <p>- Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung:</p> <p>+ Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở</p> <p>+ Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1</p>			<p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết</p>
B4	<p>- Gửi báo cáo cho các thành viên Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; Giấy mời kiểm tra thực tế.</p> <p>- Tổ thẩm định thẩm định hồ sơ, Tổ kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và khảo sát hoặc kiểm tra thực tế đối với dự án đầu tư, cơ sở.</p> <p>- Tiếp nhận Bản nhận xét, phiếu thẩm định của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra.</p> <p>- Tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định. Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, có văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra.</p> <p>(Lưu ý: Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này).</p>	<p>- Cán bộ thụ lý</p> <p>- Lãnh đạo phòng TN&MT/UBND cấp huyện</p> <p>- Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra</p>	<p>- 3 ngày</p> <p>- 5 ngày</p> <p>- 2 ngày</p> <p>-6,5 ngày</p>	<p>- Giấy mời họp/kiểm tra</p> <p>- Bản nhận xét, Phiếu thẩm định, biên bản kiểm tra, khảo sát theo quy định của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra</p> <p>- Thông báo kết quả thẩm định theo mẫu quy định.</p>
B5	<p>- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyên về phòng TN&MT</p>	<p>Cán bộ Một cửa/Cán bộ thụ lý</p>	<p>- 0,5 ngày</p>	<p>Đủ số lượng hồ sơ theo quy định</p>
B6	<p>- Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu, lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi</p>	<p>- Cán bộ thụ lý</p> <p>- Lãnh đạo</p>	<p>- 2 ngày</p>	<p>Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ</p>

	trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng chuyên môn	phòng chuyên môn		sơ
B7	- Trình Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt và cấp giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ.	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo UBND cấp huyện	- 5 ngày	- Giấy phép môi trường (mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)/Văn bản thông báo trả hồ sơ
B8	- Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả và thu phí thẩm định hồ sơ của Chủ dự án, cơ sở - Đăng tải GPMT lên Cổng thông tin điện tử cấp huyện	- Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT cấp huyện	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - Phí thẩm định hồ sơ - GPMT được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử cấp huyện
3.7.2. Trường hợp 2: 15 ngày giải quyết				
B1	- Bộ phận 1 cửa UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ (nộp qua DVC mức 4) → trình Lãnh đạo phòng TN&MT	- 1 cửa - Lãnh đạo phòng TN&MT	- 1 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B2	Lãnh đạo phòng TN&MT giao việc cho cán bộ thụ lý	- Lãnh đạo phòng TN&MT - Cán bộ thụ lý	- 0,5 ngày	- Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ
B3	Kiểm tra hồ sơ: <i>* Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau:</i>	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng TN&MT/U	- 8 ngày	- Quyết định thành lập Tổ thẩm định - Bản nhận xét,

	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Tổ thẩm định - Gửi Báo cáo cấp phép môi trường đến các thành viên Tổ thẩm định - Tiếp nhận Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định - Tổng hợp, thông báo bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu của Tổ thẩm định. <p>* Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</p> <p>Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1 	BND cấp huyện		<p>Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông báo bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu của Tổ thẩm định. - Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
B4	- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng chuyên môn xử lý hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ Một cửa - Cán bộ thụ lý 	- 0,5 ngày	Kèm văn bản giải trình nội dung bổ sung, chỉnh sửa của Chủ dự án
B5	- Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu, lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng TN&MT	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng TN&MT 	- 2 ngày	Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B6	- Trình Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt và cấp giấy phép môi trường hoặc trả hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo UBND cấp 	- 2 ngày	- Giấy phép môi trường (mẫu số 40 Phụ lục II

		huyện		phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)/ văn bản thông báo trả hồ sơ
B7	- Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả và thu phí thẩm định hồ sơ của Chủ dự án, cơ sở - Đăng tải GPMT lên Cổng thông tin điện tử cấp huyện	- Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT cấp huyện	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - Phí thẩm định hồ sơ - GPMT được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử cấp huyện
4	Biểu mẫu			
<p>1. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p> <p>2. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p> <p>3. Mẫu Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p>				

2. Quy trình: Cấp đổi giấy phép môi trường (QT-H-03)

1	Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp đổi giấy phép môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.
2	Phạm vi: Chủ dự án đầu tư, cơ sở đã được UBND cấp huyện cấp Giấy phép môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường khi thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở khác với giấy phép môi trường đã được cấp.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

	<p>2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>5. Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thay thế; bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (<i>mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>).	x	
	2. Hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi trong trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở.		x
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý:		
	<p>Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p><i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i></p>		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp và trả kết quả qua Dịch vụ công trực tuyến mức 4		
	<i>Lưu ý: Khi thành phố chưa triển khai áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức 4 thì nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa cấp huyện.</i>		
3.6	Phí, Lệ phí:		
	Không		

3.7 Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	- Bộ phận 1 cửa UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ (nộp qua DVC mức 4) → chuyển Lãnh đạo phòng TN&MT	- Cán bộ Một cửa - Lãnh đạo phòng TN&MT	- 1 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B2	- Lãnh đạo phòng TN&MT phân công cán bộ thụ lý hồ sơ thực hiện.	- Lãnh đạo phòng TN&MT - Cán bộ thụ lý	- 0,5 ngày	- Sổ theo dõi - Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ
B3	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p><i>* Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau:</i>Lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường trình Lãnh đạo phòng TN&MT xem xét</p> <p><i>* Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</i></p> <p>Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn phê duyệt.</p> <p>- Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư.</p> <p>- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ.</p> <p>- Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung:</p> <p>+ Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở</p> <p>+ Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1</p>	<p>Cán bộ thụ lý</p> <p>-Lãnh đạo phòng TN&MT</p>	-5,5 ngày	<p>- Dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường</p> <p>- Thông báo bổ sung hồ sơ</p> <p>- Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở</p> <p>- Văn bản thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết</p>
B4	- Trình Lãnh đạo UBND cấp	- Cán bộ thụ lý	- 2 ngày	- Giấy phép môi

	huyện phê duyệt và cấp đổi giấy phép môi trường hoặc trả hồ sơ	- Lãnh đạo UBND cấp huyện		trường(mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)/ văn bản thông báo trả hồ sơ
B5	- Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả - Đăng tải GPMT lên Cổng thông tin điện tử cấp huyện	- Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT cấp huyện	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - GPMT được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử cấp huyện
4	Biểu mẫu			
	1.Mẫu Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).			

3. Quy trình: Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (QT-H-05)

1	Mục đích: Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở trên địa bàn quận/huyện/thị xã đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.
2	Phạm vi: Chủ dự án đầu tư, cơ sở đã được UBND cấp huyện cấp Giấy phép môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường khi có thay đổi một trong các nội dung cấp phép không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (trừ trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường hoặc thay đổi khối lượng, loại chất thải nguy hại phát sinh; trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường, việc thay đổi giấy phép môi trường được thực hiện khi có đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở) như sau: - Nguồn phát sinh nước thải; lưu lượng xả nước thải tối đa; dòng nước thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải; vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải; - Nguồn phát sinh khí thải; lưu lượng xả khí thải tối đa; dòng khí thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải; vị trí, phương thức xả khí thải;

	<p>- Nguồn phát sinh và giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung;</p> <p>- Các thay đổi khác.</p>		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;</p> <p>2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>5. Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thay thế; bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p> <p>6. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);	X	
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý:		
	<p>Thời hạn kiểm tra, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: tối đa 15(mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p><i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời</i></p>		

	<i>gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i>			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Nộp và trả kết quả qua Dịch vụ công trực tuyến mức 4 <i>Lưu ý: Khi thành phố chưa triển khai áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức 4 thì nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa cấp huyện.</i>			
3.6	Phí, Lệ phí: Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội. Cụ thể: - Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: 3.300.000 đồng. - Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường đối với Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 2.900.000 đồng.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	- Bộ phận 1 cửa UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ (nộp qua DVC mức 4) → chuyển Lãnh đạo Phòng TN&MT	- Cán bộ Một cửa - Lãnh đạo Phòng TN&MT	- 1 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B2	- Lãnh đạo phòng TN&MT phân công cán bộ thụ lý hồ sơ thực hiện.	- Lãnh đạo phòng TN&MT - Cán bộ thụ lý	- 0,5 ngày	- Sổ theo dõi - Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ

B3	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>* Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau:Lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường trình Lãnh đạo phòng TN&MT xem xét</p> <p>* Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</p> <p>Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1 	<p>Cán bộ thụ lý</p> <ul style="list-style-type: none"> -Lãnh đạo phòng TN&MT 	<p>-10,5 ngày</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường - Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Văn bản thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
B4	<ul style="list-style-type: none"> - Trình Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt và cấp điều chỉnh giấy phép môi trường hoặc trả hồ sơ 	<p>- Cán bộ thụ lý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo UBND cấp huyện 	<p>- 2 ngày</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép môi trường(mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)/ văn bản thông báo trả hồ sơ
B5	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả và thu phí thẩm định hồ sơ của Chủ dự án, cơ sở - Đăng tải GPMT lên Cổng 	<p>- Cán bộ Một cửa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị chuyên môn 	<p>- 1 ngày</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - Phí thẩm định hồ sơ - GPMT được

	thông tin điện tử cấp huyện			đăng tải trên Cổng thông tin điện tử cấp huyện
4	Biểu mẫu			
	1. Mẫu Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).			

4. Quy trình: Cấp lại giấy phép môi trường (QT-H-06)

1	<p>Mục đích:</p> <p>Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp lại giấy phép môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở trên địa bàn quận/huyện/thị xã đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.</p>
2	<p>Phạm vi: Chủ dự án đầu tư, cơ sở đã được UBND cấp huyện cấp Giấy phép môi trường nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường khi thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a- Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng;</p> <p>b- Dự án đầu tư, cơ sở tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường;</p> <p>c - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung);</p> <p>d- Dự án đầu tư, cơ sở có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức</p>

	xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;</p> <p>2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>5. Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thay thế; bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;</p> <p>6. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020.</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP);	x	
	<p>2. Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở:</p> <p>+ Trường hợp dự án đầu tư nhóm III: mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;</p> <p>+ Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III: mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-</p>	x	

	<i>CP ngày 10/01/2022;</i>		
	3. Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường).		x
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	<p>Thời gian xử lý:</p> <p>+ Tối đa 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo điểm a và điểm c tại Mục 2. Phạm vi;</p> <p>+Tối đa 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo điểm b và điểm d tại Mục 2. Phạm vi (trong đó, tối đa 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; • Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022). <p><i>Lưu ý: Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</i></p>		
3.5	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện</p> <p><i>Lưu ý: Trường hợp 3: Khi thành phố chưa triển khai áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức 4 thì nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa cấp huyện.</i></p>		
3.6	<p>Phí, Lệ phí:</p> <p>Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.</p> <p>Cụ thể:</p> <p>- Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi</p>		

	<p>trường: 7.200.000 đồng.</p> <p>- Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 2.900.000 đồng.</p>			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
<u>3.7.1. Trường hợp 1: 30 ngày làm việc</u>				
B1	- Bộ phận 1 cửa cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ về Phòng TN&MT	- Cán bộ Một cửa - Lãnh đạo phòng TN&MT	- 1 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B2	Lãnh đạo phòng TN&MT giao việc cho cán bộ thụ lý	- Lãnh đạo phòng TN&MT - Cán bộ thụ lý	- 0,5 ngày	- Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ
B3	Kiểm tra hồ sơ: * Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau: - Đăng tải công khai Báo cáo đề xuất CPMT lên Cổng thông tin điện tử cấp huyện; - Gửi Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan; - Thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra:	- Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT cấp huyện - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng TN&MT - Lãnh đạo UBND cấp huyện	- 3,5 ngày	- Báo cáo đề xuất CPMT được công khai lên Cổng thông tin điện tử cấp huyện - Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan - Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra

	<p>+ Đối với dự án đầu tư, cơ quan cấp phép thành lập tổ thẩm định, tổ thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư;</p> <p>+ Đối với cơ sở đang hoạt động, cơ quan cấp phép thành lập tổ kiểm tra, tổ kiểm tra có trách nhiệm tổ chức kiểm tra thực tế.</p> <p>* Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</p> <p>Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn phê duyệt.</p> <p>- Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư.</p> <p>- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ.</p> <p>- Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung:</p> <p>+ Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở</p> <p>+ Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1</p>			<p>- Thông báo bổ sung hồ sơ</p> <p>- Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở</p> <p>- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết</p>
B4	<p>- Gửi báo cáo cho các thành viên Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; Giấy mời kiểm tra thực tế.</p> <p>- Tổ thẩm định thẩm định hồ sơ, Tổ kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và khảo sát hoặc kiểm tra thực tế đối với dự án đầu tư, cơ sở.</p> <p>- Tiếp nhận Bản nhận xét, phiếu thẩm định của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra.</p> <p>- Tổng hợp, thông báo kết quả</p>	<p>- Cán bộ thụ lý</p> <p>- Lãnh đạo phòng TN&MT/UBND cấp huyện</p> <p>- Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra</p>	<p>- 3 ngày</p> <p>- 5 ngày</p> <p>- 2 ngày</p> <p>-6,5 ngày</p>	<p>- Giấy mời họp/kiểm tra</p> <p>- Bản nhận xét, Phiếu thẩm định, biên bản kiểm tra, khảo sát theo quy định của Tổ</p>

	<p>thẩm định. Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, có văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra.</p> <p>(Lưu ý: Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này).</p>			<p>thẩm định/Tổ kiểm tra</p> <p>- Thông báo kết quả thẩm định theo mẫu quy định.</p>
B5	- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng TN&MT	Cán bộ Một cửa/Cán bộ thụ lý	- 0,5 ngày	Đủ số lượng hồ sơ theo quy định
B6	- Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu, lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng chuyên môn	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng chuyên môn	- 2 ngày	Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B7	- Trình Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt và cấp lại giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ.	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo UBND cấp huyện	- 5 ngày	- Giấy phép môi trường (mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)/Văn bản thông báo trả hồ sơ
B8	- Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả và thu phí thẩm định hồ sơ của Chủ dự án, cơ sở - Đăng tải GPMT lên Cổng thông tin điện tử cấp huyện	- Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT cấp huyện	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - Phí thẩm định hồ sơ - GPMT được đăng tải trên Cổng thông tin

				điện tử cấp huyện
3.7.2. Trường hợp 1: 20 ngày làm việc				
B1	- Bộ phận 1 cửa cấp huyện tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ về Phòng TN&MT	- Cán bộ Một cửa - Lãnh đạo phòng TN&MT	- 1 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 và đúng theo biểu mẫu quy định. - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
B2	Lãnh đạo phòng TN&MT giao việc cho cán bộ thụ lý	- Lãnh đạo phòng TN&MT - Cán bộ thụ lý	- 0,5 ngày	- Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ
B3	Kiểm tra hồ sơ: * Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau: - Đăng tải công khai Báo cáo đề xuất CPMT lên Cổng thông tin điện tử cấp huyện; - Gửi Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan; - Thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra: + Đối với dự án đầu tư, cơ quan cấp phép thành lập tổ thẩm định, tổ thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư; + Đối với cơ sở đang hoạt động, cơ quan cấp phép thành lập tổ kiểm tra, tổ kiểm tra có trách nhiệm tổ chức kiểm tra thực tế. * Trường hợp 2: Nếu hồ sơ	- Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT cấp huyện - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng TN&MT - Lãnh đạo UBND cấp huyện	- 3,5 ngày	- Báo cáo đề xuất CPMT được công khai lên Cổng thông tin điện tử cấp huyện - Văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan - Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra

	<p>chưa đầy đủ, hợp lệ:</p> <p>Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1 			<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
B4	<ul style="list-style-type: none"> - Gửi báo cáo cho các thành viên Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra đọc nhận xét kèm theo Giấy mời họp; Giấy mời kiểm tra thực tế. - Tổ thẩm định thẩm định hồ sơ, Tổ kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và khảo sát hoặc kiểm tra thực tế đối với dự án đầu tư, cơ sở. - Tiếp nhận Bản nhận xét, phiếu thẩm định của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra. - Tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định. Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, có văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra. <p>(Lưu ý: Không yêu cầu chủ dự án, cơ sở thực hiện các công việc khác ngoài các nội dung trong văn bản thông báo yêu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng TN&MT/UBND cấp huyện - Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 ngày - 2 ngày - 2 ngày -2,5 ngày 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy mời họp/kiểm tra - Bản nhận xét, Phiếu thẩm định, biên bản kiểm tra, khảo sát theo quy định của Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra - Thông báo kết quả thẩm định theo mẫu quy định.

	câu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ này).			
B5	- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng TN&MT	Cán bộ Một cửa/Cán bộ thụ lý	- 0,5 ngày	Đủ số lượng hồ sơ theo quy định
B6	- Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu, lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng chuyên môn	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng chuyên môn	- 2 ngày	Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B7	- Trình Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt và cấp lại giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ.	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo UBND cấp huyện	- 3 ngày	- Giấy phép môi trường (mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)/Văn bản thông báo trả hồ sơ
B8	- Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả và thu phí thẩm định hồ sơ của Chủ dự án, cơ sở - Đăng tải GPMT lên Cổng thông tin điện tử cấp huyện	- Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT cấp huyện	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - Phí thẩm định hồ sơ - GPMT được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử cấp huyện
3.7.3. Trường hợp 3: 15 ngày giải quyết				
B1	- Bộ phận 1 cửa UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ (nộp qua DVC mức 4) → trình Lãnh đạo phòng TN&MT	- 1 cửa - Lãnh đạo phòng TN&MT	- 1 ngày	- Đủ số lượng, thành phần hồ sơ theo mục 3.2 - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.

B2	Lãnh đạo phòng TN&MT giao việc cho cán bộ thụ lý	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo phòng TN&MT - Cán bộ thụ lý 	- 0,5 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Sổ theo dõi hồ sơ - Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ
B3	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>* Trường hợp 1: Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, triển khai thực hiện các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Tổ thẩm định - Gửi Báo cáo cấp phép môi trường đến các thành viên Tổ thẩm định - Tiếp nhận Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định - Tổng hợp, thông báo bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu của Tổ thẩm định. <p>* Trường hợp 2: Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ:</p> <p>Thông báo bổ sung hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định Lãnh đạo phòng, đơn vị chuyên môn phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi Thông báo bổ sung hồ sơ cho chủ đầu tư. - Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng, đơn vị chuyên môn xử lý hồ sơ. - Kiểm tra hồ sơ đã bổ sung: <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ chưa đạt yêu cầu: trả hồ sơ cho chủ dự án, cơ sở + Hồ sơ đạt yêu cầu: Tiếp tục thực hiện các bước theo quy định tại trường hợp 1 	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng TNMT/U BND cấp huyện 	- 8 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thành lập Tổ thẩm định - Bản nhận xét, Phiếu thẩm định của Tổ thẩm định - Văn bản thông báo bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu của Tổ thẩm định. - Thông báo bổ sung hồ sơ - Hồ sơ đã chỉnh sửa kèm văn bản giải trình của Chủ dự án, cơ sở - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết

B4	- Bộ phận Một cửa tiếp nhận bổ sung hồ sơ của Chủ dự án và chuyển về phòng chuyên môn xử lý hồ sơ	- Cán bộ Một cửa - Cán bộ thụ lý	- 0,5 ngày	Kèm văn bản giải trình nội dung bổ sung, chỉnh sửa của Chủ dự án
B5	- Kiểm tra hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung đạt yêu cầu, lập báo cáo kết quả thẩm định → dự thảo Tờ trình và Giấy phép môi trường hoặc văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng TN&MT	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo phòng TN&MT	- 2 ngày	Dự thảo Tờ trình + Giấy phép môi trường/văn bản thông báo trả hồ sơ
B6	- Trình Lãnh đạo UBND cấp huyện phê duyệt và cấp lại giấy phép môi trường hoặc trả hồ sơ	- Cán bộ thụ lý - Lãnh đạo UBND cấp huyện	- 2 ngày	- Giấy phép môi trường (mẫu số 40 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)/ văn bản thông báo trả hồ sơ
B7	- Chuyển kết quả đến Một cửa để trả kết quả và thu phí thẩm định hồ sơ của Chủ dự án, cơ sở - Đăng tải GPMT lên Cổng thông tin điện tử cấp huyện	- Cán bộ Một cửa - Đơn vị chuyên môn phụ trách CNTT cấp huyện	- 1 ngày	- Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc - Phí thẩm định hồ sơ - GPMT được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử cấp huyện
4	Biểu mẫu			
	<p>1. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p> <p>2. Mẫu Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III (mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p> <p>3. Mẫu Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p>			

C. NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC CẤP XÃ

1. Quy trình: Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (QT-X-01)

1	Mục đích		
	Xác định trình tự thủ tục tiến hành tổ chức tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường tại UBND cấp xã (nơi có liên quan trực tiếp đến dự án đầu tư) trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.		
2	Phạm vi		
	Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn cấp xã – nơi thực hiện dự án thuộc đối tượng tham vấn theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết. Việc tham vấn cơ quan UBND cấp xã có liên quan trực tiếp đến dự án thông qua hình thức tham vấn bằng văn bản.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>1. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;</p> <p>2. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>3. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>4. Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>5. Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội/UBND cấp huyện/UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Nộp trực tiếp	Nộp qua DVCTT
	1. Văn bản gửi lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường (BM.TVĐTM.01)	Bản chính	Bản scan

	2. Báo cáo đánh giá tác động môi trường (BM.TVĐTM.02)	Bản chính	Bản scan	
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	UBND cấp xã có trách nhiệm phản hồi bằng văn bản trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến tham vấn. <i>Trường hợp không có phản hồi trong thời hạn quy định được coi là thống nhất với nội dung tham vấn.</i>			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính – UBND cấp xã hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.			
3.6	Phí, Lệ phí: Không quy định			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Bộ phận Một cửa cấp xã tiếp nhận hồ sơ theo quy định	- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ Một cửa	0,5 ngày	- Thành phần hồ sơ theo mục 3.2 - Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, Phiếu kiểm soát TTHC (nếu nộp trực tiếp); thư điện tử trả lời tổ chức/cá nhân (nếu nộp trực tuyến qua dịch vụ công).
B2	- Trình Lãnh đạo UBND cấp xã giao việc	- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ Một cửa	0,5 ngày	Theo kết quả Bước 1

B3	- Chuyên cán bộ chuyên môn thụ lý giải quyết	- Lãnh đạo UBND cấp xã - Cán bộ thụ lý hồ sơ	0,5 ngày	Theo kết quả Bước 2
B4	Cán bộ thụ lý hồ sơ xem xét kiểm tra tính pháp lý đầy đủ của hồ sơ → Tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án → Dự thảo Văn bản trả lời ý kiến	- Cán bộ thụ lý hồ sơ	10 ngày	- Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án (BM.TĐM.03) - Văn bản trả lời dự thảo (BM.TĐM.04)
B5	Cán bộ thụ lý hồ sơ → trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt Văn bản trả lời ý kiến → Cán bộ thụ lý hồ sơ.	- Cán bộ thụ lý hồ sơ, - Lãnh đạo UBND cấp xã	02 ngày	- Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án (BM.ĐTM.03) - Văn bản trả lời đã ký (BM.ĐTM.04)
B6	Cán bộ thụ lý hồ sơ → Bộ phận Một cửa cấp xã	Cán bộ thụ lý hồ sơ	0,5 ngày	- Theo kết quả Bước 5
B7	Trả kết quả cho Chủ dự án đầu tư	Bộ phận Một cửa	01 ngày	- Theo kết quả Bước 6
	Tổng cộng		15 ngày làm việc	
4	Biểu mẫu			
	<p>1. Mẫu Văn bản gửi lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường (Mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ) – BM.TVĐTM.01</p> <p>2. Mẫu Báo cáo đánh giá tác động môi trường (mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) – BM.TVĐTM.02.</p> <p>3. Mẫu Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi</p>			

<p>dự án (Mẫu số 04a Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)– BM.TVĐTM.03.</p> <p>4. Mẫu Văn bản trả lời của các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường (Mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)– BM.TVĐTM.04.</p>
--

VN.040

th